

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ NGUYÊN NGHĨA
CBQL	Cán bộ quản lý
CNTT	Công nghệ thông tin
CSVC	Cơ sở vật chất
CSVC-TBDH	Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
HĐND	Hội đồng nhân dân
NCKH	Nghiên cứu khoa học
THCS	Trung học cơ sở
TP	Thành phố
UBND	Ủy ban nhân dân

ii MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời cảm ơn	on
.....i	i
Danh mục chữ viết tắt	ii
Danh mục các bảng	vii
Danh các biểu đồ, sơ đồ	ix
MỞ ĐẦU	
1 CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH	6
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề	6
1.2. Một số khái niệm cơ bản	

1.2.1. Quản trị, quản trị nhà trường	8
1.2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trường THCS.....	15
1.2.3. Dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh.....	17
1.2.4. Quản trị cơ sở vật chất trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh.....	20
1.3. Một số lý luận về quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trường THCS theo tiếp cận năng lực của học sinh.....	21
1.3.1. Phân loại cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	21
1.3.2. Vị trí, vai trò cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh	22
1.3.3. Yêu cầu chung khi sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh	29
1.4. Nội dung quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực học sinh.....	29
1.4.1. Bản chất của quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh.....	29
1.4.2. Nội dung quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh.....	31
iii	
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực học sinh	35
1.5.1. Ban lãnh đạo nhà trường.....	35
1.5.2. Sự hiểu biết, ý thức trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên....	36
Tiểu kết chương 1.....	38

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT- THIẾT BỊ DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KHÚC XUYÊN, THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH..... 40

2.1. Khái quát về Trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh

Bắc Ninh.....	40
2.1.1. Khái quát về thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	40
2.1.2. Khái quát về Trường THCS Khúc Xuyên	43
Giới thiệu về hoạt động khảo sát	50
2.2.1. Mục đích khảo sát	50
2.2.2. Nội dung khảo sát	50
2.2.3. Phương pháp khảo sát	50
2.2.4. Đối tượng khảo sát.....	51
2.2.5. Thời gian khảo sát.....	51
Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trường THCS Khúc Xuyên theo tiếp cận năng lực của học sinh.....	51
2.3.1. Phân loại cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	51
2.3.2. Mức độ trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	53
2.3.3. Chất lượng và sự đáp ứng của cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng dạy học theo tiếp cận năng lực của học sinh.....	55
2.3.4. Sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	57
2.4. Thực trạng quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS Khúc Xuyên theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh	61
2.4.1. Lập kế hoạch quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	61

iv

2.4.2. Tổ chức thực hiện quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	67
2.4.3. Chỉ đạo quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	79
2.4.4. Kiểm tra việc quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	84
2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh tại trường THCS Khúc Xuyên	87
2.5.1. Yếu tố thuộc về các cấp quản lý	87
2.5.2. Yếu tố thuộc về người sử dụng.....	88
2.5.3. Yếu tố thuộc về môi trường	89
2.6. Đánh giá chung thực trạng quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở	

trường THCS Khúc Xuyên theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh.....	90
--	-----------

2.6.1. Kết quả đạt được	90
-------------------------------	----

2.6.2. Tồn tại và nguyên nhân.....	94
------------------------------------	----

Tiểu kết chương 2.....	97
-------------------------------	-----------

CHƯƠNG 3: CÁC BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ KHÚC XUYÊN, THÀNH PHỐ BẮC NINH TỈNH BẮC NINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH.....	99
---	-----------

3.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp.....	99
3.2. Những nguyên tắc đề xuất biện pháp.....	101

3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa và phát triển	101
--	-----

3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích	101
---	-----

3.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ	102
--	-----

3.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả.....	102
--	-----

3.3. Một số biện pháp quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại trường THCS Khúc Xuyên theo hướng tiếp cận năng lực học sinh	102
---	------------

Biện pháp 1: Đổi mới công tác kế hoạch của Trường THCS Khúc Xuyên đối với cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.....	102
--	------------

v

3.3.2. Biện pháp 2: Tổ chức quán triệt nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho cán bộ, giáo viên, học sinh trong trường	104
--	-----

Biện pháp 3: Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí của Tỉnh, thành phố để xây dựng, trang bị, mua sắm, tu sửa cơ sở vật chất	107
---	-----

Biện pháp 4: Sử dụng hiệu quả, bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất trường học	110
---	-----

Biện pháp 5: Tham mưu cho chính quyền các cấp và cấp trên cấp kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện nay.....	113
--	-----

Biện pháp 6: Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục trong xây dựng, tu sửa	
--	--

cơ sở vật chất.....	115
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp.....	
120 3.4. Đánh giá tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp.....	
pháp.....	120
Tiểu	kết
chương	3.....
3.....	124
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	
125	DANH
	MỤC
	TÀI
	LIỆU
	THAM
KHẢO.....	129 PHỤ LỤC

vi
DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình dân số và lao động trên ở thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.....	43
Bảng 2.2: Cơ cấu học sinh theo lớp của Trường THCS Khúc Xuyên.....	47
Bảng 2.3: Thống kê phòng học và phòng chức năng của Nhà trường.....	47
Bảng 2.4: Tổng hợp tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường THCS Khúc Xuyên năm 2018.....	49
Bảng 2.5: Phân loại tài sản tại trường THCS Khúc Xuyên năm 2018	51
Bảng 2.6: Tổng hợp đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Nhà trường về mức độ trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên	53
Bảng 2.7: Tổng hợp đánh giá của học sinh Nhà trường về mức độ trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Trường THCS	

Khúc Xuyên.....	54	Bảng 2.8:
Tổng hợp đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về chất lượng CSVC, TBDH được đầu tư, mua sắm của Trường THCS Khúc Xuyên		
	55	Bảng 2.9: Tổng hợp đánh giá của học sinh về chất lượng CSVC, TBDH được đầu tư, mua sắm của Trường THCS Khúc Xuyên.....
	56	Bảng 2.10: Tổng hợp kết quả lập kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường giai đoạn 2016-2018
	64	Bảng 2.11: Tổng hợp kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học Trường THCS Khúc Xuyên năm giai đoạn 2016 – 2018.....
	67	Bảng 2.12: Tổng hợp kết quả xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường giai đoạn 2016-2018.....
	70	Bảng 2.13: Đánh giá kết quả thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường Khúc Xuyên.....
	72	Bảng 2.14: Tổng hợp đánh giá về quy trình, thủ tục mua sắm thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên
	74	

vii

Bảng 2.15: Tổng hợp báo cáo mức độ sử dụng thiết bị dạy học Trường THCS Khúc Xuyên năm 2018.....	77
Bảng 2.16: Tổng hợp báo cáo mức độ hao mòn thiết bị dạy học Trường THCS Khúc Xuyên năm 2018.....	79
Bảng 2.17: Tổng hợp đánh giá về bộ máy quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên	84
Bảng 2.18: Tổng hợp đánh giá về công tác kiểm tra hoạt động quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy của Trường THCS Khúc Xuyên	86
Bảng 2.19: Tổng hợp đánh giá về mức độ ảnh hưởng của yếu tố quản lý đến công tác quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên	87
Bảng 2.20: Tổng hợp đánh giá về mức độ ảnh hưởng của yếu tố cán bộ, giáo viên đến công tác quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên	88
Bảng 2.21: Tổng hợp đánh giá về mức độ ảnh hưởng của yếu tố môi trường đến công tác quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên.....	89
Bảng 3.1: Kết quả khảo sát tính cần thiết của các biện pháp.....	121
Bảng 3.2: Kết quả khảo sát tính khả	

DANH CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Tổng hợp kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường Khúc Xuyên giai đoạn 2016-2018.....	66
Sơ đồ 1.1: Năng lực của quản trị.....	10
Sơ đồ 1.2: Mối quan hệ giữa các yếu tố cơ bản trong quá trình dạy học	24
Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức theo chuyên môn của trường THCS Khúc Xuyên.....	45
Sơ đồ 2.2: Bộ máy tổ chức nhân sự trường THCS Khúc Xuyên.....	45
Sơ đồ 2.3: Quy trình mua sắm thiết bị dạy học tại Trường THCS Khúc Xuyên	68
Sơ đồ 2.4: Bộ máy quản trị Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại Trường THCS Khúc Xuyên.....	80

1. Lí do chọn đề tài

Hiện nay, giáo dục Việt Nam đang nỗ lực đổi mới phương pháp giáo dục và đào tạo với nhiều mô hình, biện pháp khác nhau nhằm nâng cao tính tích cực trong dạy học và học một cách toàn diện, dạy làm sao để giúp người học hướng tới việc học tập chủ động, chống lại thói quen học tập thụ động. Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã chỉ rõ: *“Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp, hiện đại hóa đất nước, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội một cách bền vững ...”*. Và hơn nữa trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam, Đảng ta lại tiếp tục có những chỉ đạo: *“Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước.”*

Như vậy, theo Nghị quyết của Đảng, Nhà nước đã, đang và sẽ tăng cường đầu tư cho các trường học, các cơ sở giáo dục, bởi vì yêu cầu cấp bách về chất lượng giáo dục đào tạo không cho phép kéo dài tình trạng trường lớp, thư viện nghèo nàn, thiếu thiết bị giáo dục tối thiểu mà phải bằng mọi cách xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, thư viện, thiết bị giáo dục trong trường học trở thành một hệ thống hữu hiệu, một yếu tố chủ yếu nhằm đổi mới phương pháp dạy học, đưa việc dạy và học lên một tầm chất lượng mới, đáp ứng đòi hỏi trước mắt và lâu dài của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trường THCS Khúc Xuyên nằm trên địa bàn phường Khúc Xuyên - là phường có qui mô dân số nhỏ nhất thành phố Bắc Ninh, tuy nhiên

được sự quan tâm của các cấp chính quyền và phòng giáo dục đào tạo thành phố Bắc Ninh, trường THCS Khúc Xuyên đã được xây dựng, cải tạo, trang bị mới hoàn toàn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học trong những năm gần đây. Từ đó tạo động lực dạy - học của giáo viên và học sinh trong trường. Chất lượng đào tạo và hiệu quả quản lý các nguồn lực trong đào tạo trong Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ. Không có thể kỳ vọng vào sự bền vững của chất lượng đào tạo, nếu Nhà trường không quan tâm đúng mức đến việc nâng cao hiệu quả quản lý các nguồn lực. Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học CSVC, TBDH là lĩnh vực quản trị nguồn lực quan trọng trong hoạt động của Nhà trường. Đầu tư xây dựng phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm... với trang thiết bị ngày càng hiện đại luôn cần đến những giải pháp quản trị CSVC, TBDH hữu hiệu để hiệu quả phục vụ đào tạo tương xứng với chi phí đầu tư, từ đó mang lại hiệu quả cao trong giáo dục. Bên cạnh các kết quả đạt được, trong công tác quản trị CSVC, TBDH của Nhà trường còn bộc lộ nhiều hạn chế như hiệu quả sử dụng chưa cao, chưa phát huy hết vai trò, giá trị của thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên còn ngại sử dụng, cán bộ quản lý chưa thống nhất cao về hiệu quả sử dụng theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh,... từ đó dẫn tới kiến thức của học sinh chưa được khắc sâu, kỹ năng sử dụng, thao tác các thiết bị học còn lúng túng.

Do vậy muốn nâng cao chất lượng dạy-học trong trường THCS Khúc Xuyên, Tác giả nhận thấy công tác quản trị CSVC, TBDH có ý nghĩa rất quan trọng quyết định tới hình thành năng lực của học sinh. Từ đó Tác giả chọn đề tài ***“Quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh”***.

2

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quản trị cơ sở vật chất từ đó đề xuất giải pháp quản trị CSVC, TBDH ở trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu: CSVC, TBDH tiếp cận năng lực học sinh.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Hoạt động quản trị CSVN, TBDH ở trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

4. Giả thuyết khoa học

Hiện nay, quản trị cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục ở trường THCS Khúc Xuyên mặc dù đã đạt được kết quả đáng khích lệ nhưng so với yêu cầu đổi mới giáo dục thì hoạt động này chưa được chú ý đúng mức, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng kịp thời của đổi mới phương pháp dạy học ở trường THCS hiện nay. Nếu nghiên cứu và đề xuất các biện pháp quản trị CSVN, TBDH phù hợp như: Tổ chức quán triệt nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho cán bộ, giáo viên, học sinh; Tăng cường trang bị, cung ứng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục cho đội ngũ giáo viên, nhân viên; ... thì sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh, đáp ứng được nhu cầu đổi mới giáo dục mà Đảng và nhà nước ta đang tiến hành.

5. Câu hỏi nghiên cứu

5.1. Thực trạng quản lý CSVN, TBDH tại trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đáp ứng yêu cầu dạy học theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh như thế nào?

5.2. Cần có những biện pháp nào để quản trị CSVN, TBDH tại trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo hướng đáp ứng yêu cầu dạy học theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh?

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

6.1. Hệ thống hóa vấn đề lí luận và thực tiễn về quản trị CSVN, TBDH ở trường THCS trong bối cảnh hiện nay.

6.2. Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng quản trị CSVN, TBDH ở trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh.

6.3. Đề xuất một số biện pháp quản trị CSVN, TBDH ở trường THCS

Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

7. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

7.1. Thời gian khảo sát:

Thời gian khảo sát thực hiện trong năm 2019 từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2019

7.2. Giới hạn về khách thể nghiên cứu:

- Cán bộ quản lý, giáo viên của Nhà trường, giáo viên hợp đồng: 20 người - Nhân viên vụ việc văn phòng, bảo vệ, vệ sinh : 5 người.
- Học sinh: 80 học sinh

8. Phương pháp nghiên cứu

Kết hợp các nhóm nghiên cứu sau:

8.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Tìm hiểu và nghiên cứu trong các văn kiện của Đảng, văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của UBND tỉnh Bắc Ninh, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh; nghiên cứu trên sách, báo chí, tạp chí, đề tài, luận văn, luận án và các tài liệu chuyên môn liên quan đến quản trị thiết bị giáo dục.

8.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp quan sát: Quan sát hoạt động quản trị của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với các đối tượng được điều tra.

4

Phương pháp phỏng vấn sâu: Phỏng vấn đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất của Nhà trường về nội dung nghiên cứu.

8.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

Ngoài các phương pháp trên tác giả còn sử dụng các phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học để xử lý kết quả nghiên cứu.

9. Những đóng góp của đề tài

Đề tài đưa ra các biện pháp quản trị, sử dụng hiệu quả CSVN, TBDH tại trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh từ đó góp phần nâng cao

năng lực tự học tập của học sinh trong thời đại mới.

10. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận văn dự kiến được trình bày trong 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh;

Chương 2: Thực trạng quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

Chương 3: Giải pháp tăng cường quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ DẠY HỌC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Thực quan trong dạy học là một trong những nguyên tắc lý luận dạy học, được nghiên cứu xuyên suốt qua các thời kỳ triết học: Thực quan trong triết học cổ đại, thực quan trong triết học siêu hình cận đại, thực quan trong triết học biện chứng duy tâm và trong triết học duy vật biện chứng.

Trong quá trình dạy học, CSVC, TBDH là công cụ lao động sư phạm của giáo viên và học sinh, yếu tố không thể thiếu được trong quá trình dạy học. Với tư cách là công cụ lao động sư phạm của giáo viên và học sinh, khi chúng ta sử dụng đúng quy trình, phù hợp với đặc trưng của từng bộ môn, CSVC, TBDH đóng vai trò cung cấp nguồn thông tin cho học sinh trong học tập, tạo ra nhiều khả năng để giáo viên trình bày nội dung bài học một cách sâu sắc, thuận lợi, hình thành được ở học sinh những phương pháp học tập tích cực, chủ động, sáng tạo.

Cùng với sự phát triển của các tư tưởng trong lĩnh vực tâm lý học, giáo dục học, lý thuyết về dạy học trực quan đã có những bước tiến mới nhận thức được vai trò quan trọng của phương tiện dạy học trực quan. Tính trực quan trong dạy học đóng vai trò minh họa trong bài giảng của giáo viên, giúp học sinh không chỉ nhận biết được hiện tượng mà còn nắm rõ được bản chất của hiện tượng. Chính vì vậy, công tác quản trị cơ sở vật chất trường học nói chung và công tác quản trị CSVC, TBDH nói riêng đã được nhiều nhà trường và địa phương quan tâm.

Việt Nam, có câu tục ngữ cho rằng: “Trăm nghe không bằng một thấy” Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới đã nói: “Học phải đi đôi với hành”.

6

CVC, TBDH là một trong những điều kiện cơ sở vật chất không thể thiếu trong mỗi nhà trường, mỗi cơ sở giáo dục, đã được Đảng, Nhà nước đưa vào thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục: *“Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội”*. CSVC, TBDH là công cụ lao động của giáo viên, là phương tiện giúp học sinh dễ hiểu các khái niệm, dễ lĩnh hội kiến thức, giúp học sinh hình thành những kỹ năng thói quen cần thiết, bước đầu luyện tập thực hành, lao động, ứng dụng trong đời sống. Nghị quyết hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần II, khóa VIII chỉ rõ: *“Tất cả các trường phổ thông đều có các thiết bị tối thiểu để thực hiện các thí nghiệm trong chương trình. Sớm chấm dứt tình trạng dạy chay, học chay nhằm nâng cao chất lượng dạy và học”* [1].

Tuy nhiên, trong thực tế công tác sử dụng CSVC, TBDH của đội ngũ nhà giáo chưa đạt được kết quả như mong muốn do nhận thức về vai trò quan trọng của quản trị CSVC, TBDH, kỹ năng sử dụng còn hạn chế, CSVC, TBDH kém chất lượng, thiếu đồng bộ, công tác quản trị thiếu các biện pháp có hiệu quả. Chính vì vậy mà đã có nhiều đề tài nghiên cứu đến công tác quản trị, sử dụng CSVC, TBDH nhằm tìm ra những biện pháp quản trị như:

Đề tài: “Nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học ở trường phổ thông” của tác giả Trần Quốc Đắc, nghiên cứu việc nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học ở các bộ môn theo chương trình SGK. Đề tài cấp Bộ “Các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị dạy học phục vụ triển khai chương trình sách giáo khoa tiểu học và trung học cơ sở” của tác giả Trần Đức Vượng chủ trì đã đưa ra những biện pháp sử dụng thiết bị có hiệu quả [11].

Trong cuốn “Quản lý giáo dục - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” do tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc làm chủ biên có phần nghiên cứu về: “Quản lý tài chính và cơ sở vật chất- thiết bị giáo dục” đã chỉ ra cách phân loại và các nguyên tắc quản lý cơ sở vật chất- thiết bị giáo dục ở trường phổ thông [17].

Năm 2013, Trong cuốn tài liệu dùng cho học viên cao học chuyên

ngành quản lý giáo dục của tác giả Phạm Văn Thuận đã đề cập đến quản lý CSVC, TBDH, đưa ra những vấn đề chung về CSVC, TBDH và nội dung quản lý CSVC, TBDH.

Luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh Lê Đình Sơn “Quản lý cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của trường đại học theo quan điểm quản lý chất lượng tổng thể TQM ” [19].

Luận văn thạc sĩ “Quản lý thiết bị dạy học ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đáp ứng yêu cầu dạy học tích hợp” của Tác giả Đỗ Ngọc Tân đã đề cập đến các vấn đề quản lý thiết bị dạy học của các trường THCS trên địa bàn gồm các nội dung: nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về tác dụng của thiết bị dạy học; quản lý thiết bị dạy học.

Luận văn cũng chỉ ra những mặt đạt được, những điểm còn hạn chế và đưa ra hệ thống các biện pháp quản lý thiết bị dạy học tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Nha Trang [20].

Tuy nhiên, việc nghiên cứu về quản trị CSVC, TBDH ở các trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh còn rất ít đề tài đề cập đến, đặc biệt ở trường THCS Khúc Xuyên chưa có một tác giả nào nghiên cứu đề tài này. Từ đó, tác giả nghiên cứu đề tài: “Quản trị cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ở trường THCS Khúc Xuyên thành phố Bắc Ninh tỉnh Bắc Ninh theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh” nhằm nghiên cứu thực trạng và đề xuất các biện pháp quản trị CSVC, TBDH theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng dạy học cũng như đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực của học sinh trong thời đại hiện nay là đề tài mới, không trùng lặp với bất kỳ một đề tài nào.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Quản trị, quản trị nhà trường

*** Khái niệm quản trị**

Quản trị là thuật ngữ có nhiều cách định nghĩa khác nhau tùy từng tác

8

giả nghiên cứu. Chẳng hạn, James H.Donnelly, James L.Gibson trong giáo trình “Quản trị học căn bản” đã cho rằng “Quản trị là một quá trình do một hoặc nhiều người thực hiện, nhằm phối hợp những hoạt động của những người khác để đạt được những kết quả mà một người hành động riêng rẽ không thể nào đạt được [22].

Lý thuyết hành vi lại định nghĩa “Quản trị là hoàn thành công việc thông qua con người”.

Harold Kootz và Cyril O'Donnell: “Quản trị là thiết lập và duy trì một môi trường mà các cá nhân làm việc với nhau trong từng nhóm có thể hoạt động hữu hiệu và có kết quả” [13].

Robert Albanese: “Quản trị là một quá trình kỹ thuật và xã hội nhằm sử dụng các nguồn, tác động tới hoạt động của con người và tạo điều kiện thay

đôi để đạt được mục tiêu của tổ chức” [13].

Stonner và Rabbins: “Quản trị là một tiến trình bao gồm các việc hoạch định, tổ chức quản trị con người và kiểm tra các hoạt động trong một đơn vị một cách có hệ thống nhằm hoàn thành mục tiêu của đơn vị đó...” [13].

Có người lại cho quản trị là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra các nguồn lực và hoạt động của tổ chức nhằm đạt được mục đích của tổ chức với kết quả và hiệu quả cao trong điều kiện môi trường luôn biến động.

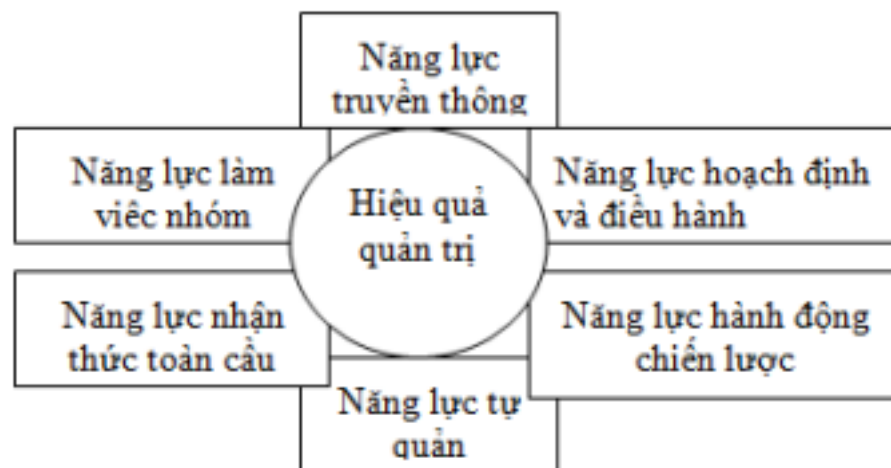
Nói một cách tổng quát, quản trị là hoạt động cần thiết phải thực hiện khi con người kết hợp với nhau trong các tổ chức nhằm đạt được những mục tiêu chung.

*** Các năng lực quản trị**

Năng lực là sự tổng hoà của kiến thức, kĩ năng, hành vi và thái độ của mỗi con người góp phần tạo nên tính hiệu quả trong công việc. Năng lực quản trị là tập hợp các kiến thức, kĩ năng, hành vi và thái độ mà một quản trị viên cần có để tạo ra hiệu quả trong các hoạt động quản trị khác nhau ở các tổ chức khác nhau.

9

6 năng lực quản trị chủ yếu [10]:



Sơ đồ 1.1. Năng lực của quản trị

Năng lực truyền thông

Năng lực truyền thông là khả năng truyền đạt và trao đổi một cách hiệu

qua thông tin làm sao để mình và người khác có thể hiểu rõ. Bao gồm các khía cạnh:

Truyền thông không chính thức:

Khuyến khích truyền thông 2 chiều thông qua đặt câu hỏi để có thông tin phản hồi, lắng nghe và thiết lập những cuộc trò chuyện thân mật. Hiểu được tình cảm của người khác.

Thiết lập mối quan hệ cá nhân mạnh mẽ với mọi người.

Truyền thông chính thức:

Thông báo các hoạt động và các sự kiện liên quan đến mọi người giúp họ cập nhật các sự kiện, hoạt động.

Tạo khả năng thiết phục, trình bày ấn tượng trước công chúng và kiểm soát được vấn đề.

Viết rõ ràng, súc tích và hiệu quả, sử dụng các nguồn dữ liệu trên máy tính. Thương lượng: Thay mặt nhóm để đàm phán một cách hiệu quả về vai trò và nguồn lực.

10

Rèn luyện kỹ năng phát triển tốt mối quan hệ với cấp trên, công bằng đối với thuộc cấp.

Năng lực hoạch định và điều hành

Năng lực hoạch định và điều hành bao gồm việc quyết định những nhiệm vụ cần phải thực hiện, xác định rõ xem chúng có thể được thực hiện, phân bổ các nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ đó và giám sát toàn bộ tiến trình để đoán chắc rằng chúng đang được thực hiện tốt.

Các khía cạnh của năng lực hoạch định và điều hành:

Thu thập, phân tích thông tin và giải quyết vấn đề.

Kiểm soát và sử dụng thông tin.

Đưa ra quyết định kịp thời

Tính toán những rủi ro và tiên liệu kết quả.

Hoạch định và tổ chức thực hiện các dự án:

Phát triển các kế hoạch và tiến độ để đạt được các mục tiêu

Phân tích các ưu tiên trong thực hiện nhiệm vụ và phân quyền để chịu trách nhiệm.

Xác định, tổ chức và phân bổ các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ.

Quản lí thời gian:

Kiểm soát các vấn đề chung và các dự án theo thời gian.

Giám sát công việc theo tiến độ hoặc thay đổi tiến độ nếu cần. Thực hiện công việc một cách hiệu quả dưới áp lực thời gian. Lập ngân sách và quản trị tài chính:

Hiểu rõ ngân sách, các dòng chu chuyển tiền mặt, các báo cáo tài chính và biết sử dụng chúng để ra quyết định.

Ghi chép đầy đủ và chính xác các sổ sách tài chính.

Phát thảo các nguyên tắc tổng quát về ngân sách và làm việc với mọi người trên những nguyên tắc này.

11

Năng lực làm việc nhóm

Thiết kế nhóm:

Thiết lập mục tiêu rõ ràng. Cấu trúc thành viên của nhóm một cách hợp lí.

Xác định trách nhiệm chung cho cả nhóm và ấn định nhiệm vụ cho từng thành viên của nhóm một cách thích hợp.

Tạo ra môi trường mang tính hỗ trợ:

Tạo môi trường mà trong đó sự hợp tác hiệu quả luôn được đánh giá kịp, khích lệ, khen thưởng.

Hỗ trợ nhóm trong việc xác định và sử dụng các nguồn lực cần thiết để hoàn thành mục tiêu.

Quản trị sự năng động của nhóm:

Hiểu rõ những điểm mạnh yếu của từng thành viên.

Xử lí tốt các mâu thuẫn và bất đồng để nâng cao hiệu quả.

Chia sẻ sự tin cậy đối với mọi người.

Năng lực hành động chiến lược

Năng lực hành động chiến lược là hiểu rõ sứ mệnh tổng quát và các giá trị của tổ chức và đoán chắc rằng các hoạt động của mình và của những thuộc cấp được phân định rõ ràng. Bao gồm:

Hiểu rõ ngành mà tổ chức hoạt động:

Biết được hành động của các đối thủ cạnh tranh và các đối tác chiến lược. Có thể phân tích được xu hướng chung xảy ra trong ngành và tác động của chúng trong tương lai.

Hiểu biết tổ chức: Hiểu rõ sự quan tâm của giới hữu quan.

Nắm vững các năng lực khác biệt trong tổ chức.

Thực hiện các hành động chiến lược: Phân định các ưu tiên và đưa ra các quyết định sứ mệnh của tổ chức và các mục tiêu chiến lược. Nhận thức rõ thách thức quản trị của từng phương án chiến lược và khắc phục chúng.

12

Thiết lập các chiến thuật và các mục tiêu tác nghiệp giúp cho việc thực hiện chiến lược dễ dàng.

Năng lực nhận thức toàn cầu

Việc thực hiện các công việc của quản trị trong một tổ chức thông qua việc phối hợp sử dụng các nguồn lực nhân sự, tài chính, thông tin và nguyên liệu từ nhiều quốc gia và đáp ứng nhu cầu thị trường với sự đa dạng về văn hoá đòi hỏi các nhà quản trị phải có năng lực nhận thức toàn cầu.

Các khía cạnh của năng lực nhận thức toàn cầu:

Có kiến thức hiểu biết về văn hóa: Hiểu biết và cập nhật các sự kiện chính trị, xã hội và kinh tế trên toàn cầu.

Nhận thức rõ tác động của các sự kiện quốc tế đến tổ chức.

Hiểu, đọc và nói thông thạo hơn một ngôn ngữ khác.

Nhạy cảm và khả năng hoà nhập văn hoá:

Nhạy cảm đối với xử sự văn hóa riêng biệt và có khả năng thích nghi. Điều chỉnh hành vi giao tiếp với những nền văn hoá khác nhau của các quốc gia.

Năng lực tự quản

Con người phải có trách nhiệm đối với cuộc sống của mình bên trong cũng như bên ngoài công việc.

Các khía cạnh của năng lực tự quản như:

Cư xử trung thực và đạo đức: Sẵn lòng thừa nhận những sai lầm. Chịu trách nhiệm về các hành động của mình.

Có cá tính và nghị lực: Làm việc chăm chỉ để hoàn thành công việc. Bền chí để đương đầu với những trở ngại, biết cách vươn lên từ thất bại. Cân bằng giữa yêu cầu của công việc và cuộc sống:

Thiết lập sự cân bằng giữa công việc và các khía cạnh của cuộc sống sao cho không có vấn đề nào của cuộc sống bị sao lãng.

Có khả năng tự chăm sóc mình.

13

Biết xử lý và thiết lập các mục tiêu liên quan giữa công việc và cuộc sống. Khả năng tự nhận thức và phát triển.

Có những mục đích nghề nghiệp và cá nhân rõ ràng.

Sử dụng những điểm mạnh để tạo lợi thế và tìm cách cải thiện điểm yếu. Biết phân tích và học hỏi từ những kinh nghiệm trong công việc và cuộc sống.

**** Khái niệm quản trị trường học***

Căn cứ theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Thông tư 14/2018/TT BGD&ĐT Quy định về chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có hiệu lực từ 04/9/2018, Quản trị nhà trường được quy định như sau:

“Quản trị nhà trường là quá trình xây dựng các định hướng, quy định, kế hoạch hoạt động trong nhà trường; tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục học sinh thông qua huy động, sử dụng các nguồn lực, giám sát, đánh giá trên cơ sở tự chủ, có trách nhiệm giải trình để phát triển nhà trường theo sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của nhà trường” [7].

**** Khái niệm quản trị Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học***

Nội dung CSVC, TBDH mở rộng đến đâu thì hoạt động quản trị cũng

phải mở rộng tương ứng. Thực tế chỉ ra CSVC, TBDH chỉ phát huy tác dụng tốt trong dạy học khi được quản trị tốt. Do đó phải đi đôi với việc đầu tư, trang bị thì điều quan trọng hơn là phải chú trọng đến công tác quản trị CSVC, TBDH trong nhà trường. Do CSVC, TBDH là một lĩnh vực vừa mang đặc tính kinh tế - giáo dục vừa mang đặc tính khoa học - giáo dục nên việc quản lý một mặt phải tuân thủ các yêu cầu chung về quản lý kinh tế, khoa học, mặt khác, cần tuân thủ các yêu cầu quản lý chuyên ngành giáo dục. Do vậy có thể nói quản trị CSVC, TBDH là một trọng những công việc của cán bộ quản lý và là đối tượng quản lý quan trọng trong nhà trường.

C SVC, TBDH trong nhà trường là yếu tố quan trọng bảo đảm yêu cầu

14

nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, bao gồm hệ thống khuôn viên, phòng học, phòng học đa năng trang bị đầy đủ máy móc; hệ thống phòng thí nghiệm ở một số khoa thực nghiệm được đầu tư máy móc hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu khoa học của học sinh, cán bộ; thư viện hiện đại, xưởng thực hành, phòng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, cơ sở thực tập sư phạm, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, v.v... phục vụ thiết thực cho hoạt động dạy và học.

Quản trị CSVC, TBDH là việc lựa chọn, đưa ra, tổ chức thực hiện các quyết định có liên quan đến cơ sở vật chất, thiết bị dạy học học nhằm phục vụ cho mục tiêu hoạt động của nhà trường [11].

1.2.2. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trường THCS

Các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân của nước ta hiện nay, khi được nói đến là phải đề cập đến CSVC, TBDH. CSVC, TBDH là những hệ thống các phương tiện vật chất và kỹ thuật khác nhau được sử dụng để phục vụ việc GD&ĐT toàn diện học sinh trong nhà trường hoặc cơ sở giáo dục. Đó là những đồ vật, những của cải vật chất và khung cảnh sư phạm tự nhiên xung quanh nhà trường [3].

Có thể hiểu khái niệm trên theo hai góc độ:

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của xã hội, được nhà trường sử dụng vào mục tiêu đào tạo bao gồm: các trang thiết bị và công cụ của nhà máy xi

nghiệp, nhà văn hóa, nhà truyền thống, câu lạc bộ, sân bãi thể dục thể thao của địa phương.. nhà trường không trực tiếp quản lý và sử dụng, nhưng có thể mượn hoặc thuê để phục vụ cho mục tiêu giáo dục.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường đó là các khối công trình, nhà cửa, sân chơi, thư viện, thiết bị giáo dục và các trang thiết bị khác... được trang bị riêng cho nhà trường, và chia ra làm 3 bộ phận: trường sở, thiết bị giáo dục và thư viện. Các bộ phận này nhà trường trực tiếp quản lý và sử dụng.

15

Như vậy, theo quan điểm của tác giả, khái niệm về CSVC, TBDH được định nghĩa như sau: “Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học là một phần của cơ sở vật chất nhà trường, gồm toàn bộ những thiết bị, dụng cụ, phương tiện được sử dụng trong dạy và học nhằm nâng cao chất lượng của quá trình dạy và học”.

Ngoài các điều kiện về: Tổ chức và quản lý nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đánh giá kết quả giáo dục, xã hội hóa giáo dục thì các điều kiện về CSVC, thiết bị phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Diện tích khuôn viên và các yêu cầu về xanh, sạch, đẹp, thoáng mát bảo đảm quy định; có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh theo quy định; có sân chơi, bãi tập, chỗ thực hành ngoài trời theo quy định.

- Số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học bảo đảm theo quy định tối thiểu của Điều lệ trường phổ thông; kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh bảo đảm quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế; kích thước, màu sắc, cách treo bảng trong lớp học bảo đảm quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế.

- Khối phục vụ học tập, khối hành chính quản trị và phòng học bộ môn đối với cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông đạt tiêu chuẩn tối thiểu theo quy định.

- Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có các tủ sách lớp học, hoạt động của thư viện có tác

dụng phát triển văn hoá đọc, khuyến khích và đáp ứng nhu cầu đọc, nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo hằng năm đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình mới.

Thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy, học tập và việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học của giáo viên bảo đảm quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kiểm kê, sửa chữa,

16

nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học hằng năm đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình mới.

1.2.3. Dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh

Năng lực là một phạm trù từng được bàn đến trong mọi lĩnh vực của cuộc sống xã hội.

Đã có nhiều định nghĩa khác nhau về năng lực. Theo từ điển tiếng Việt “Năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hành động nào đó. Năng lực là phẩm chất tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó với chất lượng cao”.

Đứng về góc độ tâm lý học, năng lực trở thành đối tượng nghiên cứu chuyên sâu từ thế kỷ XIX, trong các công trình thực nghiệm của F.Ganton năng lực có những biểu hiện như tính nhạy bén, chắc chắn, sâu sắc và dễ dàng trong quá trình lĩnh hội một hoạt động mới nào đó. Người có năng lực là người đạt hiệu suất và chất lượng hoạt động cao trong các hoàn cảnh khách quan và chủ quan như nhau. Năng lực gắn bó chặt chẽ với tính định hướng chung của nhân cách [21].

Từ điển tâm lý học đưa ra khái niệm, năng lực là tập hợp các tính chất hay phẩm chất của tâm lý cá nhân, đóng vai trò là điều kiện bên trong tạo thuận lợi cho việc thực hiện tốt một dạng hoạt động nhất định.

Theo Cosmovici thì: “năng lực là tổ hợp đặc điểm của cá nhân, giải thích sự khác biệt giữa người này với người khác ở khả năng đạt được những kiến thức và hành vi nhất định”. Còn A.N.Leonchiev cho rằng: “năng lực là

đặc điểm cá nhân quy định việc thực hiện thành công một hoạt động nhất định” [21].

Nhà tâm lý học A.Rudich đưa ra quan niệm về năng lực như sau: năng lực đó là tính chất tâm sinh lý của con người chi phối quá trình tiếp thu các kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo cũng như hiệu quả thực hiện một hoạt động nhất định. Năng lực của con người không chỉ là kết quả của sự phát triển và giáo

17

dục mà còn là kết quả hoạt động của các đặc điểm bẩm sinh hay còn gọi là năng khiếu. Năng lực đó là năng khiếu đã được phát triển, có năng khiếu chưa có nghĩa là nhất thiết sẽ biến thành năng lực. Muốn vậy phải có môi trường xung quanh tương ứng và phải có sự giáo dục có chủ đích [21].

Trong các giáo trình tâm lý học các tác giả cũng đã đưa ra khá nhiều quan niệm về năng lực. Trong đó đa số đều quan niệm năng lực là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động có kết quả tốt. Năng lực vừa là tiền đề vừa là kết quả của hoạt động, năng lực vừa là điều kiện cho hoạt động đạt kết quả nhưng đồng thời năng lực cũng phát triển ngay trong chính hoạt động ấy. Theo quan điểm của Tâm lý học Mác xít, năng lực của con người luôn gắn liền với hoạt động của chính họ.

Như vậy, khi nói đến năng lực thì không phải là một thuộc tính tâm lý duy nhất nào đó ví dụ như khả năng tri giác, trí nhớ... mà là sự tổng hợp các thuộc tính tâm lý cá nhân sự tổng hợp này không phải phép cộng của các thuộc tính mà là sự thống nhất hữu cơ, giữa các thuộc tính tâm lý này diễn ra mối quan hệ tương tác qua lại theo một hệ thống nhất định và trong đó một thuộc tính nổi lên với tư cách chủ đạo và những thuộc tính khác giữ vai trò phụ thuộc đáp ứng được những yêu cầu hoạt động và đảm bảo hoạt động đó đạt được kết quả mong muốn [21].

Tóm lại, dựa trên quan niệm của nhiều tác giả đưa ra ở trên có thể định nghĩa như sau:

“Năng lực là khả năng thực hiện thành công hoạt động trong một bối cảnh nhất định nhờ sự huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc

tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí... năng lực của cá nhân được đánh giá qua phương thức và khả năng hoạt động của cá nhân đó khi giải quyết các vấn đề của cuộc sống”.

Như vậy, năng lực không mang tính chung chung mà khi nói đến

18

năng lực, bao giờ người ta cũng nói về một lĩnh vực cụ thể nào đó như năng lực toán học của hoạt động học tập hay nghiên cứu toán học, năng lực hoạt động chính trị của hoạt động chính trị, năng lực dạy học của hoạt động giảng dạy... Năng lực của học sinh là một cấu trúc động, có tính mở, đa thành tố, đa tầng bậc, hàm chứa trong nó không chỉ là kiến thức, kỹ năng mà cả niềm tin, giá trị, trách nhiệm xã hội... thể hiện ở tính sẵn sàng hành động của các em trong môi trường học tập phổ thông và những điều kiện thực tế đang thay đổi của xã hội.

Hiện nay giáo dục các bậc học nói chung, bậc học trung học cơ sở nói riêng được thực hiện theo hướng tiếp cận năng lực học sinh. Nếu như trước đây giáo dục theo cách tiếp cận nội dung thì dạy cho học sinh biết cái gì; Còn chương trình hướng đến năng lực cho học sinh là học sinh làm được gì trên cơ sở các em biết. Như vậy năng lực là đích, là đầu ra của giáo dục. Với cách tiếp cận như vậy nó sẽ chi phối các yếu tố của chương trình như mục tiêu- tức là dạy để làm gì; nội dung dạy học - tức dạy cái gì; phương pháp và hình thức tổ chức dạy học - tức là học bằng cách nào; và cuối cùng là thi, kiểm tra, đánh giá và chất lượng giáo dục.

Đối với cấp học trung học cơ sở đã được Bộ giáo dục và Đào tạo đề xuất 6 phẩm chất cần hình thành cho học sinh: Yêu gia đình, quê hương đất nước; Nhân ái khoan dung; Trung thực, tự trọng, chí công, vô tư; Tự lập, tự tin, tự chủ; Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại; Nghĩa vụ công dân. Cùng với đó là đề xuất hình thành 9 năng lực cho học sinh. 9 năng lực đó cụ thể là: Tự học; Giải quyết vấn đề; Sáng tạo; Tự quản lý; Giao tiếp; Hợp tác; Sử dụng CNTT; Sử dụng ngôn ngữ; Tính toán [18].

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng chú trọng phát triển năng lực học sinh; thì cần phải vận dụng dạy học theo tình huống, dạy học sinh

định hướng hành động, tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin hợp lý. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, đánh giá cũng phải chú

19

trọng vào năng lực của người học tư duy sáng tạo, vận dụng giải quyết những vấn đề trong cuộc sống, với các phương pháp được áp dụng như: Quan sát, phỏng vấn sâu, hội thảo, nhật ký người học, hồ sơ học tập, bài tập lớn, đánh giá thực hành, học sinh tự đánh giá lẫn nhau. “Muốn làm được điều này bên cạnh việc nâng cao nhận thức giáo viên, tập huấn cho giáo viên; thiết kế lại chương trình đào tạo chú trọng mục tiêu hình thành năng lực cho người học và phối hợp với đổi mới kiểm tra phương pháp dạy và học” thì việc tập trung đầu tư CSVC, TBDH cho giáo dục theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Một trong những định hướng cơ bản của việc đổi mới giáo dục là chuyển từ nền giáo dục mang tính hàn lâm, xa rời thực tiễn sang một nền giáo dục chú trọng việc hình thành năng lực phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học.

Đổi mới PPDH cần được thực hiện bước chuyển từ chương trình giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực của người học, nghĩa là từ chỗ quan tâm đến việc học sinh được học được cái gì đến chỗ quan tâm HS vận dụng được cái gì qua việc học. Để đảm bảo được điều đó, giáo viên trong các trường cần đã nghiên cứu chuyển từ phương pháp dạy học theo lối "truyền thụ một chiều" sang dạy cách học, cách vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành năng lực và phẩm chất. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ giáo viên - học sinh theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội.

1.2.4. Quản trị cơ sở vật chất trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh

Quản trị CSVC, TBDH theo hướng tiếp cận năng lực học sinh là việc lựa chọn, đưa ra, tổ chức thực hiện các quyết định từ việc mua sắm, sử dụng, bảo quản bảo dưỡng, kiểm tra thực hiện đối với cơ sở vật chất, thiết bị dạy

học nhằm phục vụ cho mục tiêu dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh của nhà trường.

20

Để thực hiện đổi mới chương trình giáo dục một cách căn bản và toàn diện, ngoài yếu tố giáo viên thì CSVC, TBDH là một yếu tố rất quan trọng. Một trong những biện pháp để xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục là cần phải đánh giá được thực trạng cơ sở vật chất hiện có của các trường. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu xây mới, sửa chữa, cải tạo với mục tiêu ưu tiên cho các hạng mục công trình: Phòng học, thư viện, nhà vệ sinh, nhà ăn, phòng ở cho học sinh nội trú, học sinh bán trú. Bộ GD&ĐT cần sớm ban hành danh mục thiết bị dạy học sớm; đồng thời thành lập các hệ thống quy chuẩn các phòng chức năng để các trường có kế hoạch bổ sung. Trên cơ sở đó, Sở GD&ĐT tại các địa phương cần có đề án riêng về CSVC, TBDH học trình HĐND, UBND, làm căn cứ cho các quận huyện, nhà trường tổ chức thực hiện theo lộ trình đổi mới.

Về phía các trường, cần căn cứ vào đề án CSVC, TBDH để lên kế hoạch mua sắm, sử dụng và bảo dưỡng, duy tu CSVC, TBDH theo đúng quy định.

1.3. Một số lý luận về quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trường THCS theo tiếp cận năng lực của học sinh

1.3.1. Phân loại cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Trường học

Trường học là nơi tổ chức việc giảng dạy và giáo dục học sinh. Do đòi hỏi của quá trình phát triển giáo dục, đặc biệt do yêu cầu của việc thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đổi mới các phương pháp dạy học, trường học cũng có những thay đổi nhất định để phù hợp với các yêu cầu mới như việc xây dựng các phòng thí nghiệm, thực hành, bộ môn [9].

- Thư viện

+ Sách: Là loại CSVC trọng yếu, là phương tiện cần thiết phục vụ cho việc học tập và giảng dạy của nhà trường đồng thời là nguồn tri thức quan trọng của học sinh và giáo viên.

+ Thư viện: Tổ chức có nhiệm vụ sưu tầm, tàng trữ, bảo quản, giới

21

thiệu, phổ biến, cho mượn tất cả các loại ấn phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người đến đọc sách báo, tìm kiếm thông tin cần thiết cho học tập, công tác và đời sống.

Thư viện trường học là bộ phận không thể thiếu được đối với hoạt động dạy học, nó đảm bảo cung cấp cho học sinh và giáo viên các sách giáo khoa và tài liệu tham khảo, các tác phẩm văn học nghệ thuật và báo chí các loại để đọc thêm, mở rộng kiến thức [9].

- Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học bao gồm các thiết bị dùng chung, các thiết bị trực quan, thực nghiệm, và các thiết bị kỹ thuật các phương tiện nghe- nhìn). Thiết bị dạy học các bộ môn được sử dụng thường xuyên, trực tiếp tham gia vào quá trình giảng dạy và học tập, gắn liền với nội dung và phương pháp trong từng tiết học nên được xem là bộ phận quan trọng góp phần đổi mới nội dung và phương pháp dạy học [9].

1.3.2. Vị trí, vai trò cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng hướng tiếp cận năng lực học sinh

**** Vị trí của cơ sở vật chất, thiết bị dạy học***

Vị trí của CSVTC, TBDH trong hoạt động đào tạo của các trường thể hiện qua các dấu hiệu:

- Là công cụ lao động của giáo viên. Với sự phát triển nhanh chóng của tri thức, khoa học và công nghệ, để truyền tải một khối lượng kiến thức lớn đến người học, để trang bị những kỹ năng cần thiết cho học sinh, người dạy cần có các thiết bị kỹ thuật hỗ trợ tài liệu tham khảo, thiết bị, các phần mềm dạy học, thí nghiệm Thiết bị hiện đại có thể giúp người học tham gia hiệu quả cùng người dạy vào các hoạt động sáng tạo.

- Là công cụ nhận thức của học sinh. Thiết bị thí nghiệm, thực hành, mạng máy tính, phần mềm hỗ trợ, thiết bị nghe nhìn, dụng cụ thể thao, phòng học bộ môn, tài liệu, thông tin... có vai trò như công cụ “nối dài” các giác

quan của người học, làm cho hoạt động nhận thức khoa học hiệu quả hơn, sâu sắc, bền vững hơn, giúp trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết cho công việc và để có thể học tập suốt đời, tiếp tục phát triển năng lực sau đào tạo.

- Là công cụ hiện thực hóa nội dung, mục tiêu dạy học. Giảng đường, phòng học là điều kiện tối thiểu để tổ chức lớp học. Trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay, bài giảng của người thầy chỉ có thể đóng vai trò định hướng, gợi mở cho sự tìm tòi, nghiên cứu tiếp theo của học sinh. Thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, mạng thông tin... là công cụ không thể thiếu để hiện thực hóa nội dung, chương trình, mục tiêu đào tạo.

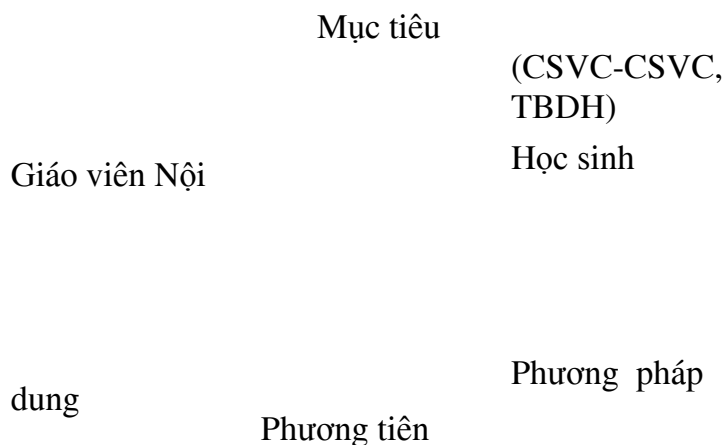
- Là phương tiện vật chất hóa phương pháp dạy học. Sự xuất hiện của máy móc, dây chuyền sản xuất hiện đại làm cho quy trình sản xuất được tổ chức khoa học và hiệu quả hơn. Mạng internet, các phần mềm thí nghiệm hay máy tính bảng xuất hiện gần đây là những ví dụ cụ thể về vai trò vật chất hóa phương pháp dạy học của trang thiết bị. Các phòng bộ môn với trang thiết bị hiện đại, thiết bị thí nghiệm với các phần mềm hỗ trợ theo công nghệ mới góp phần không nhỏ thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học.

- Ngoài ra, CSVC, TBDH còn là điều kiện hạ tầng cần thiết để đa dạng hóa hình thức dạy học. Ngày nay, người học có thể tham gia các khóa ĐT bằng nhiều hình thức học tập: trực tiếp, qua mạng, qua các phương tiện nghe nhìn. Học sinh có thể học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên ở cách xa nửa vòng trái đất, có thể truy cập, tìm kiếm tài liệu, thông tin của các thư viện ở các quốc gia xa xôi. Hình thức dạy học phong phú, đa dạng giúp nâng cao đáng kể hiệu quả giáo dục của các quốc gia. Nhưng tất cả điều đó chỉ thực hiện được nếu các trường có hạ tầng CSVC, TBDH hiện đại.

**** Vai trò cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng hướng tiếp cận năng lực học sinh***

Quá trình dạy học được cấu thành bởi các thành tố có liên quan chặt chẽ và tương tác với nhau. Các thành tố đó là: mục tiêu, nội dung, phương

hiện quá trình giáo dục và dạy học. Sơ đồ dưới đây thể hiện các thành tố cấu thành quá trình dạy học và mối quan hệ giữa chúng.



Sơ đồ 1.2. Mối quan hệ giữa các yếu tố cơ bản trong quá trình dạy học

Mối quan hệ giữa các thành tố cấu thành quá trình giáo dục và dạy học trong đó CSV-C, TBDH là một thành tố không thể tách rời.

Theo sơ đồ trên, các cặp thành tố tương ứng đều có mối quan hệ tương hỗ hai chiều. Việc điều khiển tối ưu các mối quan hệ của các thành tố có thể được coi là một nghệ thuật về mặt quản lý sư phạm.

CSV-C, TBDH có mặt trong quá trình nêu trên có vai trò như các thành tố khác và không thể thiếu được một thành tố nào, nó góp phần quan trọng nâng cao chất lượng dạy và học. CSV-C, TBDH là một bộ phận, một thành tố không thể thiếu trong quá trình dạy học và nó có vai trò lớn trong quá trình dạy học. Có thể kể ra như sau:

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nâng cao năng lực nhận thức và rèn kỹ năng của học sinh

Vấn đề này Lenin đã diễn tả khái quát như sau: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn, đó là con đường biện chứng của nhận thức chân lý, của sự nhận thức thực tại khách quan”.

Trực quan sinh động nói ở đây đó là sự phản ánh trực tiếp thực tại khách thể bằng các giác quan và diễn ra dưới những hình thức cơ bản kế tiếp nhau: cảm giác, tri giác và biểu tượng và từ đó nâng cao năng lực nhận thức của học sinh. Nhờ có CSVC, TBDH mà từ tư duy trừu tượng với những hình thức kế tiếp nhau như: khái niệm, phán đoán và suy luận làm cho học sinh dễ dàng hơn trong nhận thức.

C SVC, TBDH là công cụ nhận thức của học sinh, là sự cụ thể hóa nội dung dạy học và rèn luyện kỹ năng nó có thể trở thành nguồn tri thức quan trọng cho người học, nó có vai trò là đối tượng của nhận thức và rèn luyện kỹ năng.

C SVC, TBDH học là công cụ hoạt động học, là điều kiện chiếm lĩnh kiến thức kỹ năng, kỹ xảo một cách dễ dàng. Nó không chỉ tham gia xây dựng biểu tượng phương thức hành động mà còn tham gia kiểm tra, kiểm soát, đánh giá quá trình và kết quả hoạt động, vì thế người học có thể điều chỉnh hoạt động cho phù hợp. Nhờ nó mà hoạt động học trở nên đa dạng và hấp dẫn hơn tạo sự say mê, hứng thú, giúp cho người học nhớ lâu các kiến thức, khắc sâu trong trí nhớ người học.

Thực hiện chức năng trực quan hóa hoạt động nhận thức của người học. Để thay thế cho các sự vật hiện tượng và các quá trình xảy ra trong thực hiện mà người dạy cũng như người học không thể tiếp cận trực tiếp. Ngoài ra, nó còn giúp người học làm quen các yếu tố các mối quan hệ bên trong, bên ngoài của đối tượng học tập. Có thể hiểu sâu sắc nội dung vấn đề đồng thời còn biết cách tiến hành nghiên cứu tìm hiểu chuyên môn mà mình yêu thích.

Chúng ta biết rằng, nhận thức là sự phản ánh thực tiễn trong bộ não con người, con người nhận thức được thế giới bên ngoài là nhờ hệ thống tín hiệu

hiều được dùng ngôn ngữ để mô tả khái niệm, một hiện tượng nếu không có biểu tượng ban đầu nào đó. Trong quá trình nhận thức thế giới vĩ mô, vai trò của CSVC, TBDH vô cùng quan trọng, với các cơ quan cảm giác thông thường lúc này ta không thể quan sát được các hiện tượng thực tiễn mà phải dùng công cụ để cho phép con người đi sâu vào thế giới vật chất nằm sau giới hạn tri giác của các giác quan. Do đó nhờ công cụ con người có khả năng phát hiện ra một số tính chất của vật chất lớn hơn nhiều so với khi không sử dụng nó. Sự nghiên cứu lịch sử khoa học hiện đại cũng cho thấy rằng, mỗi lần có những công cụ mới lại có những tiến bộ mới trong quá trình nhận thức thế giới, vì vậy có thể nói rằng: “Việc nhận thức thế giới vĩ mô luôn gắn với công cụ, hay cụ thể hơn việc nhận thức thế giới của học sinh với CSVC, TBDH”.

Trong quá trình làm việc với các CSVC, TBDH, các kiến thức lý thuyết mà học sinh tiếp thu ở trên lớp thường ở dạng tĩnh và cô lập với kiến thức khác, sẽ tác động tương hỗ làm cho chúng trở nên sinh động, làm lộ rõ bản chất và khả năng của chúng, tạo nên ra hứng thú cho học sinh vì tiếp xúc với thực tiễn, tư duy của học sinh luôn được đặt trước những tình huống mới, mỗi học sinh phải tìm tòi, suy nghĩ phát triển trí sáng tạo.

Qua làm việc với các CSVC, TBDH, tính kiên trì, cẩn thận, chính xác, kỷ luật được rèn luyện, đó là những phẩm chất rất cần thiết đối với người lao động và phải được hình thành qua một quá trình rèn luyện lâu dài, bằng những hoạt động thực hành đa dạng.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cụ thể hóa phương pháp đào tạo, làm tăng năng suất lao động của giáo viên và học sinh

CVC, TBDH là công cụ lao động của giáo viên và học sinh, cụ thể hóa phương pháp đào tạo. Góp phần tích cực vào giải phóng sức lao động của thầy trò tạo điều kiện cho hoạt động dạy học diễn ra hợp lý, đúng quy luật. Nó cung cấp cho người học thông tin chính xác chắc chắn về các quá trình diễn ra

phức tạp và trừu tượng mà bình thường bằng ngôn ngữ người dạy diễn đạt rất khó khăn. Nó kích thích, tích cực hóa các thao tác tư duy như phân tích, tổng hợp... làm cho tư duy trừu tượng phát triển mạnh mẽ hơn. Lao động của người

dạy sẽ được giảm nhẹ, từ đó họ có thời gian phân tích các vấn đề trong bài dạy và huy động người học trực tiếp tham gia phát hiện và lĩnh hội các tri thức mới. Người học giảm thiểu sự đầu tư sức lực và thời gian khi tiếp cận lĩnh hội tri thức mới.

Sống trong xã hội hiện đại con người phải tư duy và hoạt động chính xác, khoa học, nhanh chóng, điều đó không thể có được khi sử dụng trong nhà trường những phương tiện thô sơ hoặc dạy chay, từ việc dạy học bằng truyền đạt một chiều. Khi nhà trường được đầu tư trang bị CSVC, TBDH, những phương pháp làm việc của thầy và trò sẽ thay đổi, phong cách tư duy và hành động do đó cũng được hiện đại hóa. CSVC, TBDH đóng vai trò quan trọng trong việc năng suất lao động không ngừng tăng lên. Việc sử dụng các CSVC, TBDH hiện đại vào nhà trường sẽ cho phép giới thiệu những kiến thức chính xác cho nhiều học sinh hơn. Điều đó cho phép rút ngắn thời gian học.

Các thiết bị hiện đại mở ra khả năng to lớn cho công tác dạy học. Chúng không chỉ cho phép thông báo kiến thức đồng thời cho số lớn học sinh mà còn có thể điều khiển tối ưu hóa quá trình học tập của học. Đó là điều vô cùng quan trọng và là một trong những đặc điểm của nhà trường hiện đại [4].

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học góp phần nâng cao chất lượng dạy học, hiệu quả

CSVC, TBDH là nguồn thông tin thể hiện nội dung dạy học gây cảm xúc và tạo biểu tượng về đối tượng học tập: Cấu tạo sự vật, hình dáng, kích thước, cắt bỏ bên trong, mối liên hệ các yếu tố của sự vật, sự biến đổi phát triển của sự vật hiện tượng.

Một nền giáo dục tiên tiến đòi hỏi mục tiêu đào tạo phải luôn bắt kịp mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đôi khi nó còn phải đi trước một bước để

định hướng lại cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Yêu cầu này đặt ra cho mọi nền kinh tế GD phải thường xuyên cải tiến nội dung đào tạo, phương pháp đào tạo. Yêu cầu cải tiến nội dung, phương pháp đào tạo chỉ có thể thực hiện được khi có CSVC, TBDH đủ mạnh theo sự tiến bộ của nội dung và phương pháp đào tạo.

Không có sự tương hợp nhau về nội dung và phương pháp đào tạo với CSVC, TBDH thì sớm muộn việc thực hiện mục tiêu đào tạo sẽ bị kìm hãm, quá trình đào tạo sẽ bị phá vỡ sự cân đối toàn vẹn và nền giáo dục sẽ bị suy thoái. Khi có nội dung và phương pháp đào tạo tiên tiến mà CSVC, TBDH lạc hậu, trình độ giáo viên còn bất cập, thái độ giáo viên còn chưa hăng say, nhiệt tình với việc sử dụng CSVC, TBDH trong công tác giảng dạy thì đều dẫn tới sự suy giảm chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Ngoài ra, CSVC, TBDH còn tạo ra môi trường sinh động mà trong đó người học đóng vai trò là chủ thể được hoạt động thực sự với CSVC, TBDH tạo ra sự lôi cuốn, hấp dẫn đối với cả người học và người dạy, phát huy tối đa tính tích cực của hoạt động nhận thức [4].

Ngày nay, khoa học kỹ thuật và công nghệ cho phép mở ra những khả năng sư phạm không giới hạn cho con người trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Một lần nữa khẳng định mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ, nếu không chú ý tới đầu tư CSVC, TBDH đúng mức thì việc thực hiện phương pháp dạy học, nội dung dạy học để đạt được mục tiêu đào tạo sẽ gặp nhiều khó khăn.

Như vậy, xây dựng cơ sở vật chất giáo dục là cấp thiết hiện nay, tuy nhiên làm thế nào để CSVC, TBDH có mối liên lạc chặt chẽ với giáo viên, với học sinh, với nội dung, phương pháp dạy và học theo định hướng mục tiêu đào tạo đã vạch sẵn là nhờ công tác quản lý CSVC, TBDH. Động thái của CSVC, TBDH trong nhà trường là sự phát triển của nó trong mối quan hệ thầy trò cũng là đối tượng quản lý giáo dục, quản lý nhà trường.

1.3.3. Yêu cầu chung khi sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh

Tất cả CSVC, TBDH của một cơ sở giáo dục phải được sắp đặt khoa học, dễ sử dụng và có các phương tiện bảo quản, vật che phủ, phương tiện chống ẩm, chống mối mọt, dụng cụ phòng cháy chữa cháy. Tùy diện tích, quy mô mà bố trí diện tích phòng và địa điểm thích hợp, đảm bảo cho giáo viên và

học sinh thao tác đi lại thuận tiện và an toàn sử dụng. Các thí nghiệm độc hại, có tiếng ồn phải được bố trí và xử lý theo tiêu chuẩn quy định để đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường.

Thiết bị dạy học phải được sử dụng có hiệu quả cao nhất đáp ứng yêu cầu về nội dung và phương pháp được quy định trong chương trình giáo dục. Thiết bị dạy học phải được làm sạch và bảo quản sau khi sử dụng, định kỳ bảo dưỡng, bổ sung phụ tùng, linh kiện điện tử vật tư tiêu hao. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cần được trang bị đồng bộ đồng bộ giữa phương thức tổ chức dạy học, chương trình, sách giáo khoa và thiết bị dạy học, trang bị và điều kiện sử dụng, trang bị và bảo quản giữa các thiết bị với nhau...

Hàng năm phải tiến hành kiểm kê theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý tài sản [4].

1.4. Nội dung quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực học sinh

1.4.1. Bản chất của quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh

Bản chất của quản trị CSVC, TBDH ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh là thực hiện các chức năng của quản trị đối với CSVC, TBDH ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh. Cụ thể như sau:

29

Một, Lập kế hoạch

Là chức năng đầu tiên trong tiến trình quản trị, bao gồm: việc xác định mục tiêu hoạt động, xây dựng chiến lược tổng thể để đạt mục tiêu, và thiết lập một hệ thống các kế hoạch để phối hợp các hoạt động.

Hoạch định liên quan đến dự báo và tiên liệu tương lai, những mục tiêu cần đạt được và những phương thức để đạt được mục tiêu đó. Nếu không lập kế hoạch thận trọng và đúng đắn thì dễ dẫn đến thất bại trong quản trị. Có nhiều công ty không hoạt động được hay chỉ hoạt động với một phần công

suất do không có hoạch định hoặc hoạch định kém.

Hai, tổ chức thực hiện kế hoạch

Đây là chức năng thiết kế cơ cấu, tổ chức công việc và tổ chức nhân sự cho một tổ chức. Công việc này bao gồm: xác định những việc phải làm, người nào phải làm, phối hợp hoạt động ra sao, bộ phận nào được hình thành, quan hệ giữa các bộ phận được thiết lập thế nào và hệ thống quyền hành trong tổ chức đó được thiết lập ra sao? Tổ chức đúng đắn sẽ tạo nên môi trường nội bộ thuận lợi thúc đẩy hoạt động đạt mục tiêu, tổ chức kém thì công ty sẽ thất bại, dù hoạch định tốt.

Ba, lãnh đạo, chỉ đạo công tác thực hiện

Một tổ chức bao giờ cũng gồm nhiều người, mỗi một cá nhân có cá tính riêng, hoàn cảnh riêng và vị trí khác nhau. Nhiệm vụ của lãnh đạo là phải biết động cơ và hành vi của những người dưới quyền, biết cách động viên, điều khiển, lãnh đạo những người khác, chọn lọc những phong cách lãnh đạo phù hợp với những đối tượng và hoàn cảnh cùng sở trường của người lãnh đạo, nhằm giải quyết các xung đột giữa các thành phần, thắng được sức của các thành viên trước những thay đổi. Lãnh đạo xuất sắc có khả năng đưa công ty đến thành công dù kế hoạch và tổ chức chưa thật tốt, nhưng sẽ chắc chắn thất bại nếu lãnh đạo kém.

30

Năm, kiểm tra việc thực hiện

Sau khi đã đề ra những mục tiêu, xác định những kế hoạch, vạch rõ việc xếp đặt cơ cấu, tuyển dụng, huấn luyện và động viên nhân sự, công việc còn lại vẫn còn có thể thất bại nếu không kiểm tra. Công tác kiểm tra bao gồm việc xác định thành quả, so sánh thành quả thực tế với thành quả đã được xác định và tiến hành các biện pháp sửa chữa nếu có sai lệch, nhằm bảo đảm tổ chức đang trên đường đi đúng hướng để hoàn thành mục tiêu.

Những chức năng trên đây là phổ biến đối với mọi nhà quản trị, dù cho đó là tổng giám đốc một công ty lớn, hiệu trưởng một trường học, trưởng phòng trong cơ quan, hay chỉ là tổ trưởng một tổ công nhân trong xí nghiệp.

Dĩ nhiên, phổ biến không có nghĩa là đồng nhất. Vì mỗi tổ chức đều có những đặc điểm về môi trường, xã hội, ngành nghề, quy trình công nghệ riêng v.v. nên các hoạt động quản trị cũng có những hoạt động khác nhau. Nhưng những cái khác nhau đó chỉ là khác nhau về mức độ phức tạp, phương pháp thực hiện, chứ không khác nhau về bản chất. Sự khác biệt này sẽ được chỉ ra ở phần sau, khi chúng ta xem xét các cấp bậc quản trị.

1.4.2. Nội dung quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh

1.4.2.1. Lập kế hoạch quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học Lập kế hoạch quản trị CSVC, TBDH là đưa ra kế hoạch về quản trị CSVC, TBDH trong đó chỉ rõ các mục tiêu, bước đi, biện pháp thực hiện và bảo đảm các nguồn lực để đạt tới các mục tiêu của tổ chức.

Nội dung lập kế hoạch gồm:

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng CSVC, TBDH tại Nhà trường, xác định nguồn lực về tài chính từ đó xây dựng kế hoạch mua sắm CSVC, TBDH đúng theo những văn bản của Nhà nước quy định.

Trong nguồn vốn cố định mà ngành giáo dục quản lý hoặc bộ ngành liên quan đến công tác giáo dục quản lý, nguồn vốn cho nhân tố CSVC,

31

TBDH có ý nghĩa kinh tế quan trọng. Xét về mặt kinh tế sư phạm trong công tác quản lý giáo dục đối với CSVC, TBDH, việc đầu tư mua sắm CSVC, TBDH trong mỗi nhà trường cần tập trung vào các vấn đề sau:

Mỗi nhà trường căn cứ vào kế hoạch dạy học phải có phương án đầu tư CSVC, TBDH, phương án này phải tính đến năng lực kinh tế tài chính mà nhà trường được cung ứng theo định mức đề ra.

Việc đầu tư mua sắm CSVC, TBDH phải xem xét về giá thành, chất lượng và hiệu quả sử dụng. Không thể mua về các thiết bị rẻ tiền mà không có hiệu quả sư phạm hoặc có hiệu quả sư phạm mà không tương ứng với dự toán chi tiêu của trường tức là quá đắt, quá sức với nguồn tài chính của nhà trường .

Phải có kế hoạch xây dựng, trang bị trước mắt và lâu dài cho nhà

trường bằng các nguồn lực khác nhau: ngân sách nhà nước, xã hội hóa, giáo viên và học sinh tự làm. Phải giải quyết được tính cấp thiết và tính kế thừa cho vận hành và phát triển.

Cập nhật thông tin về nội dung, chương trình và kế hoạch dạy học, đồng thời cập nhật các thông tin về CSVC, TBDH mới để thường xuyên có kế hoạch bổ sung theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa.

- Lập kế hoạch sử dụng CSVC, TBDH cho từng giai đoạn nhằm đạt hiệu quả và hợp lý nhất. Sau khi mua sắm CSVC, TBDH cần phải xây dựng cả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên trách về công tác CSVC, TBDH.

Sử dụng hiệu quả CSVC, TBDH là một hoạt động hết sức cần thiết và hữu ích của mọi chủ thể trực tiếp là các giáo viên, các cán bộ phụ trách các phòng chức năng và khách thể là các yếu tố vật chất: phòng thí nghiệm thực hành, CSVC, TBDH phục vụ cho công tác dạy và học.

Lựa chọn, cử cán bộ phụ trách các phòng chức năng và giáo viên đi học tập, tập huấn, dự các lớp các bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng sử dụng CSVC, TBDH. Mời chuyên gia đến trường bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ giáo viên về kỹ năng sử dụng CSVC, TBDH. Đặc biệt là đối với thiết bị hiện

32

đại, mới lạ, cấu tạo phức tạp, quy trình sử dụng nghiêm ngặt cần tập huấn nghiêm túc cho tất cả đội ngũ về tính năng và tác dụng của các CSVC, TBDH, đồng thời hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất và tập dượt thành thạo trước khi đưa vào sử dụng.

Quản trị sử dụng CSVC, TBDH trong nhà trường có hiệu quả, ngoài yếu tố con người, người quản lý cần phải thể chế hóa bằng các văn bản. Chính vì vậy người quản lý phải biết dựa vào các văn bản pháp quy: quyết định, quy chế, quy định,... để bắt buộc mọi thành viên trong nhà trường tuân theo ý đồ quản lý của mình.

- Lập kế hoạch bảo quản CSVC, TBDH: Giúp cho việc nâng cao tuổi thọ của CSVC, TBDH, chuẩn bị phục vụ cho công tác giảng dạy được tốt

hơn. Duy trì và bảo quản CSVC, TBDH là khâu quan trọng trong việc quản lý CSVC, TBDH nhằm nâng cao tuổi thọ của thiết bị và giảm chi phí trong đầu tư mua sắm thiết bị. Muốn duy trì và bảo quản CSVC, TBDH có hiệu quả cần tập trung vào các vấn đề sau:

Bảo quản theo chế độ quản lý tài sản của nhà nước: thực hiện chế độ trách nhiệm theo quy chế quản lý tài sản, thực hiện chế độ kiểm kê, kiểm tra, ... Bảo quản theo chế độ đối với dụng cụ, vật tư khoa học, kỹ thuật: cần quan tâm đến ảnh hưởng của thời tiết, khí hậu, môi trường cất giữ, ... - Xây dựng các quy định, quy chế, quy trình quản lý, sử dụng, và bảo quản CSVC, TBDH nhằm đảm bảo việc thực hiện các mục tiêu đã đặt ra là nâng cao chất lượng đào tạo và đạt hiệu quả sử dụng.

Thực hiện đúng quy trình và phương pháp bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất và tuân thủ những quy định chung về bảo quản. Hướng dẫn các thao tác sử dụng đúng quy trình vận hành và thời gian sử dụng của mỗi loại CSVC, TBDH cho người sử dụng để tránh hỏng hóc và mất an toàn. Thường xuyên bảo dưỡng lau chùi, tra dầu mỡ, sấy nóng, hút bụi v.v... .

33

1.4.2.2. Tổ chức thực hiện quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học Tổ chức là quá trình triển khai các kế hoạch, là hoạt động quản trị nhằm thiết lập một hệ thống các vị trí cho mỗi cá nhân và bộ phận sao cho các cá nhân và bộ phận đó có thể phối hợp với nhau một cách tốt nhất để thực hiện mục tiêu chiến lược của tổ chức. Để tổ chức thực hiện quản trị CSVC, TBDH cần phải:

- Phân công các bộ phận, cá nhân thực hiện việc mua sắm CSVC, TBDH theo kế hoạch đã được xây dựng từ trước; tránh việc mua sắm một cách tùy tiện và lãng phí. Tổ chức thực hiện việc mua sắm CSVC, TBDH theo đúng kế hoạch đã đề ra.

- Công khai các CSVC, TBDH hiện có trong Nhà trường đến toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh được biết. Bố trí cán bộ chuyên trách hỗ trợ giáo viên, học sinh khi lên lớp.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng về phương pháp, kỹ năng sử dụng đối với

cán bộ, giáo viên và học sinh.

- Mỗi CSVC, TBDH cần phải được thuyết minh, hướng dẫn trước khi sử dụng.

- Phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể, bố trí cán bộ phụ trách trực tiếp phù hợp với quy mô của Nhà trường.

- Tổ chức việc bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, định k hoặc không theo định k theo quy định của từng loại CSVC, TBDH.

- Bố trí đội ngũ cán bộ bảo quản, chỉ đạo quản trị CSVC, TBDH học đúng chuyên môn và tổ chức triển khai kế hoạch tập huấn đội ngũ bảo quản CSVC, TBDH định k và thường xuyên.

1.4.2.3. Chỉ đạo quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Chỉ đạo quản trị CSVC, TBDH là thực hiện trách nhiệm quản trị CSVC, TBDH một cách thuận lợi nhất, đạt hiệu quả cao nhất, cụ thể: - Chỉ đạo việc sắp xếp, ghi chép các loại CSVC, TBDH sau khi mua sắm.

34

- Chỉ đạo các đơn vị, GV lập kế hoạch sử dụng CSVC, TBDH. - Chỉ đạo việc sửa chữa, bảo trì CSVC, TBDH kịp thời khi có hư hỏng hay bị lỗi trong quá trình sử dụng và theo định k .

- Chỉ đạo việc thực hiện kiểm kê, đánh giá định k về chất lượng CSVC, TBDH có kế hoạch đầu tư mua sắm kịp thời.

1.4.2.4. Kiểm tra việc quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học Kiểm tra là quá trình xem xét các hoạt động nhằm đạt mục đích làm cho các hoạt động đạt hiệu quả tốt và phải đảm bảo việc đánh giá, phát hiện và điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường, cụ thể: - Đối chiếu với kế hoạch về số lượng, chất lượng, chủng loại của CSVC, TBDH lắp đặt và chạy thử để kiểm tra việc mua sắm CSVC, TBDH. - Thông qua kế hoạch sử dụng và hiệu quả sử dụng các CSVC, TBDH của giáo viên, học sinh từ sổ nhật ký sử dụng, sổ mượn trả CSVC, TBDH để kiểm tra.

- Tổ chức kiểm tra việc bảo trì, bảo dưỡng thông việc lập hồ sơ, báo cáo của cán bộ phụ trách CSVC, TBDH.

Dựa vào kết quả kiểm tra, người quản lý đưa ra những quyết định điều chỉnh cho phù hợp, như là: khuyến khích, động viên hoặc đưa ra hình thức xử lý đối với những đơn vị, cá nhân thực hiện tốt hoặc chưa tốt. Bên cạnh đó, phải tiến hành kiểm kê CSVC, TBDH hàng năm đúng theo quy định của Nhà nước về quản lý tài sản.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực học sinh

1.5.1. Ban lãnh đạo nhà trường

Tầm nhìn và định hướng phát triển CSVC, TBDH và quản lý phát triển CSVC, TBDH của các nhà quản lý trong các trường có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục của nhà trường đặc biệt trong bối cảnh đổi mới giáo dục và sự phát triển của cuộc cách mạng công nghệ 4.0; Các cấp ủy đảng nhất là Chi

35

bộ nhà trường, Hội đồng trường cần phải có chủ trương đúng đắn và đặt một trong những nhiệm vụ trọng tâm lãnh đạo của Chi bộ, Hội đồng vào đầu tư, phát triển CSVC, TBDH. Trong nghị quyết lãnh đạo của mình, Chi bộ, Hội đồng cần xác định đúng mục tiêu, yêu cầu đối với phát triển CSVC, TBDH ở nhà trường, có chủ trương về định hướng đầu tư, phát triển CSVC, TBDH.

Các cấp ủy đảng cũng cần xác định trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chủ chốt nhất là ban giám hiệu trong việc quản lý phát triển CSVC, TBDH; đặt ra yêu cầu đối với các tập thể sư phạm, các giáo viên trong quản lý, khai thác, sử dụng CSVC, TBDH. Căn cứ vào Nghị quyết lãnh đạo, căn cứ vào thực tiễn cấp ủy đảng cần kiểm tra, đánh giá kết quả, chỉ rõ những thành công và hạn chế, chỉ ra những nguyên nhân và biện pháp đẩy mạnh đầu tư, sử dụng và khai thác CSVC, TBDH.

1.5.2. Sự hiểu biết, ý thức trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên

Việc nhận đúng về tầm quan trọng của CSVC, TBDH trong đổi mới giáo dục, trong việc thực hiện quản lý phát triển CSVC, TBDH của đội ngũ giáo viên thể hiện năng lực chuyên môn nghiệp vụ, hiểu biết về phương tiện và cách sử

dụng CSVC, TBDH sẽ là yếu tố tích cực ảnh hưởng đến phát CSVC, TBDH và quản lý phát triển CSVC, TBDH trong các nhà trường. Nhận thức đúng về yêu cầu quản lý phát triển CSVC, TBDH sẽ nâng cao thức trách nhiệm của giáo viên, học sinh trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì CSVC, TBDH. Bên cạnh đó, quá trình quản lý phát triển CSVC, TBDH không thể thiếu vai trò của các tổ chuyên môn, nhất là đối với những nội dung liên quan đến phẩm chất, năng lực chuyên môn nghề nghiệp, năng lực sư phạm điều đó quyết định đến năng lực sử dụng phương tiện dạy học một cách phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ, phát huy tối đa tác dụng của CSVC, TBDH trong giảng dạy và học tập.

Năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng CSVC, TBDH nói chung và phương tiện dạy học

36

nói riêng. Xét theo góc độ của khoa học giáo dục, với quan điểm trong dạy học “lấy người học làm trung tâm”. CSVC, TBDH trong các nhà trường chỉ có chất lượng tốt và đem lại hiệu quả thật sự nếu mỗi giáo viên, học sinh ý thức một cách đầy đủ, có trách nhiệm trong quản lý, bảo quản CSVC, TBDH, tạo thói quen và phong cách của giáo viên về hoạt động này, có quyết tâm, có kế hoạch cụ thể và chủ động tạo ra những điều kiện của cá nhân trong việc tham gia quản lý, sử dụng một cách có ý thức mới đem lại kết quả thiết thực.

Nhận thức về vai trò của CSVC, TBDH trong đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên và học sinh là chưa cao.

Công tác phối kết hợp giữa nhà sản xuất, cung ứng thiết bị và nhà trường là chưa tốt, chưa thường xuyên. Các nhà sản xuất chỉ tập trung vào khâu cung cấp và chưa chú trọng đến khâu chuyển giao công nghệ, vận hành, cách duy tu sửa chữa.

Ngoài ra, thói quen cố hữu của một số cán bộ quản lý, giáo viên có tuổi là ngại sử dụng, ứng dụng thiết bị hiện đại vào giảng dạy mà quen với dạy chay, đọc chép cũng là một hạn chế lớn đối với công tác quản trị CSVC, TBDH của các Trường.

Tiểu kết chương 1

Ở chương 1, Tác giả đã làm rõ được một số nội dung về cơ sở lý luận về quản trị cơ sở vật chất – thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực học sinh.

Một về tổng quan tình hình nghiên cứu, nêu được vai trò của CSVC, TBDH đối với hoạt động giáo dục, trình bày được một số đề tài của một số tác giả về công tác quản lý, quản trị, nâng cao hiệu quả sử dụng CSVC, TBDH tại một số trường như các tác giả Trần Quốc Đắc, Trần Đức Vượng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Phạm Văn Thuần, Lê Đình Sơn. Tuy nhiên việc nghiên cứu về quản trị CSVC, TBDH ở các trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh còn rất ít đề tài đề cập đến, đặc biệt ở trường THCS Khúc Xuyên chưa có một tác giả nào nghiên cứu đề tài này.

Để đi sâu tìm hiểu công tác quản trị quản trị cơ sở vật chất – thiết bị dạy học ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực học sinh, tác giả nêu hiểu biết đối với các khái niệm như: quản trị, quản trị trường học, CSVC, TBDH trường THCS, Dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh, Quản trị cơ sở vật chất trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh. Đồng thời trình bày Phân loại CSVC, TBDH; Vị trí, vai trò CSVC, TBDH theo hướng tiếp cận năng lực học sinh, Yêu cầu chung khi sử dụng CSVC, TBDH theo hướng phát triển năng lực của học sinh. Trên cơ sở đó, tác giả trình bày nội dung về công tác quản trị CSVC, TBDH trường THCS theo tiếp cận năng lực của học sinh gồm: Lập kế hoạch quản trị CSVC, TBDH, Tổ chức thực hiện quản trị CSVC, TBDH, Chỉ đạo quản trị CSVC, TBDH, Kiểm tra việc quản trị CSVC, TBDH.

Công tác quản lý CSVC, TBDH ở trường THCS theo hướng tiếp cận năng lực học sinh chịu sự ảnh hưởng một số yếu tố như: Ban lãnh đạo nhà trường; Sự hiểu biết, ý thức trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên;

luận được nêu lên là cần thiết. Cơ sở lý luận là tiền đề để tác giả tìm hiểu nội dung công tác quản trị Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở Trườn THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh theo hướng tiếp cận năng lực học sinh trong chương 2.

BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC CỦA HỌC SINH

2.1. Khái quát về Trường THCS Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

2.1.1. Khái quát về thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

2.1.1.1. Đặc điểm vị trí địa lý

*** Về vị trí địa lý**

TP. Bắc Ninh nằm ở phía Đông của Tỉnh, cách thủ đô Hà Nội 30 km về phía Đông Bắc, kéo dài từ 2110 08'45" đến 2110 2'30" vĩ độ Bắc, và từ 1060 02'02" đến 106 0 06'10" kinh độ Đông.

Phía Đông giáp với huyện Quế Võ.

Phía Bắc giáp với huyện Yên Phong và sông Cầu.

Phía Tây giáp với huyện Yên Phong. Phía Nam giáp với huyện Tiên Du. Về địa giới hành chính TP. Bắc Ninh gồm có 16 phường Đáp Cầu, Thị Cầu, Vũ Ninh, Suối Hoa, Ninh Xá, Tiên An, Vệ An, Vạn An, Kinh Bắc, Đại Phúc, Võ Cường, Vân Dương, Hạp Lĩnh, Phong Khê, Khắc Niệm, Khúc Xuyên và 03 xã Hòa Long, Kim Chân, Nam Sơn.

Khúc Xuyên là một phường thuộc thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Phường Khúc Xuyên có diện tích 2,35 km², dân số năm 2013 là 4.022 người, mật độ dân số đạt 1.715 người/km².

Thành phố Bắc Ninh với vị trí thuận lợi là đầu mối giao thông của các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, có các tuyến giao thông huyết mạch: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, có hệ thống núi đồi tạo nên vị trí quốc phòng quan trọng, là lá chắn bảo vệ cửa ngõ phía Bắc của thủ đô

Hà Nội. Với những đặc điểm trên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có vị trí địa lý thuận lợi, là tiềm lực to lớn, yếu tố quan trọng để Thành phố phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa bền vững và đậm đà bản sắc.

2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

** Đặc điểm kinh tế*

Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương phát triển mạnh có giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất toàn quốc. Diện mạo đô thị, nông thôn đổi mới với tốc độ nhanh và quy mô lớn. Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh được đánh giá là một trong 10 thành phố sang-xanh sạch-đẹp nhất cả nước. Thực trạng kinh tế thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh liên tục tăng trưởng cao và ổn định, GDP tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2018 là 10,1%/năm. Với mục tiêu đến năm 2020 đưa thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh cơ bản thành thành phố công nghiệp. Hàng năm, tạo việc làm mới cho 12.000 - 15.000 lao động trong thành phố và thu hút lao động của các huyện, tỉnh ngoài từ 10.000 - 12.000 lao động.

Là một thành phố trẻ nhưng giàu truyền thống văn hoá, thành phố Bắc Ninh có điều kiện quy hoạch, xây dựng đô thị bài bản theo hướng hiện đại, phát triển tiềm năng về thương mại dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Những năm gần đây, thành phố Bắc Ninh đã có những bước phát triển vượt bậc, hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, đồng bộ theo cấu trúc của một đô thị hiện đại, đời sống nhân dân, trình độ dân trí ngày càng được nâng cao. Tính cho tới hết tháng 12 năm 2018, giá trị sản xuất GTSX thực tế toàn thành phố đạt 125.460,8 tỷ đồng.

Trong những năm gần đây, tăng trưởng kinh tế toàn thành phố đạt mức khá; tính bình quân cho cả giai đoạn 2016 -2018, tốc độ tăng GTSX trên địa bàn thành phố đạt 15,4%/năm. Thu nhập bình quân đầu người/năm

41

đạt khoảng 6.000 USD năm 2018. Cơ cấu kinh tế: Thương mại - Dịch vụ chiếm 19,1 %; Công nghiệp - xây dựng 76,3%; Nông nghiệp 4,7% năm 2018 . Tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp trên địa bàn ước đạt 79.785,2 tỷ đồng so sánh với năm 2010 bằng 109,6% so với năm 2018. Giá trị sản xuất Nông - Lâm thủy sản năm 2017 ước đạt: 5.098,2 tỷ đồng, bằng 109,3% so với năm 2018.

Tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế năm 2018 là 233.816 người chiếm 66% so với tổng dân số. Cơ cấu lao động vẫn có xu hướng chuyển dịch theo hướng tích cực; lao động trong ngành nông nghiệp giảm, tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng.

*** Đặc điểm dân số - xã hội**

Nhìn chung giai đoạn 2016 - 2018, nguồn nhân lực của thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh dồi dào, lực lượng lao động ở khu vực thành thị các ngành công nghiệp, dịch vụ ngày càng tăng cùng với quá trình phát triển đô thị, hàng năm tạo được một số lớn lao động có việc làm. Tạo điều kiện thuận lợi cho các bước phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

Thành phố đã đưa vào sử dụng 100/108 nhà văn hóa thôn, khu phố; đang xây dựng 05 nhà văn hoá, đang tiến hành thủ tục đầu tư 03 nhà văn hóa. Triển khai kế hoạch xây dựng nông thôn mới đến 06 xã thuộc thành phố. An ninh chính trị được giữ vững, ổn định. Thực hiện tốt công tác quân sự địa phương và chính sách hậu phương quân đội.

Tình hình dân số và lao động trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh được thể hiện rõ qua bảng 2.1. Dân số của thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016 - 2018 lần lượt là 277,313 người năm 2016, 310,199 người năm 2017, 354,267 người năm 2018, chiếm khoảng gần 20% so với dân số toàn tỉnh; trong đó nữ chiếm tỷ lệ thấp hơn nam giới. Năm 2018, tỷ lệ nữ giới là 48,8%. Dân số sống chủ yếu khu vực thành thị, chiếm

42

85-87% trong giai đoạn 2016- 2018. Mật độ dân số trung bình năm 2018 là 1.262 người/km².

Bảng 2.1. Tình hình dân số và lao động trên ở thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Chỉ tiêu	2016		2017		2018		So sánh (%)		
	Số lợợ ng (ngợ)	Cơ cấu (%)	Số lợợ ng (ng)	Cơ cấu (%)	Số lợợ ng (ngợ)	Cơ cấu (%)	2017/ 2016	2018/ 2017	Bình quân

	ời)		ời)		ời)				
Tổng dân số	277. 31 3	100, 0 0	310. 19 9	100, 0 0	354. 26 7	100, 0 0	111,86	114,21	113,03
Theo giới tính									
- Nữ	138. 10 0	49,8 0	152 .75 0	49,2 4	172 .88 1	48,8 0	110,61	113,18	111,89
- Nam	139. 21 3	50,2 0	157 .44 9	50,7 6	181 .38 6	51,2 0	113,10	115,20	114,15
Theo khu vực									
- Thành thị	232. 11 8	83,7 0	263. 66 0	85,0 0	308. 91 6	87,2 0	113,59	117,16	115,36
- Nông thôn	45.19 5	16,3 0	46.53 9	15,0 0	45.35 1	12,8 0	102,97	97,45	100,17

Trường THCS Khúc Xuyên nằm trên địa bàn phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh. Đây là một địa phương có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, là điều kiện thuận lợi cho công tác quản trị CSVC, TBDH của trường.

2.1.2. Khái quát về Trường THCS Khúc Xuyên

2.1.2.1. Cơ cấu tổ chức của Trường

Cơ cấu tổ chức của Trường THCS Khúc Xuyên được mô tả tại sơ đồ

Đoàn - Đội **Phó Hiệu trưởng**

(CM)

Chuyên
môn toán
lý tin
Tổ
Chuyên

môn văn
sử
công dân
Tổ
Chuyên môn

Hóa sinh địa
công nghệ
Tổ
Chuyên
môn ngoại
ngữ thể mỹ

Tổ
Chuyên
môn hành
chính giáo
vụ

Tổ

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức theo chuyên môn của trường THCS Khúc Xuyên

Vấn đề nhân sự của trường THCS Khúc Xuyên, quản lý theo 2 mảng:
Biên chế và hợp đồng.

Trường THCS KHÚC XUYÊN

BIÊN CHẾ HỢP ĐỒNG

Nhân viên

Giáo viên

Cán bộ quản

Nhân viên vụ việc

lý Giáo viên

Sơ đồ 2.2: Bộ máy tổ chức nhân sự trường THCS Khúc Xuyên

Làm rõ sơ đồ:

* Cán bộ, giáo viên trong biên chế:

- Cán bộ quản lý:

Ban giám hiệu và tổng phụ trách gồm: Hiệu trưởng: 01 người; Phó hiệu trưởng: 01 người; Bí thư chi bộ: 01 người; Chủ tịch công đoàn: 01 người; Bí thư đoàn thanh niên: 01 người; Tổng phụ trách: 01 người.

- Nhân viên: 04 trong đó Thư viện 01 người, Kế toán 01 người, Văn phòng 3 người Giáo vụ, Thống kê phổ cập, Văn thư

- Giáo viên: Tổ toán lý tin; Tổ văn sử công dân; Tổ hóa sinh địa công nghệ; Tổ ngoại ngữ thể mỹ; Tổ hành chính giáo vụ.

* Giáo viên, nhân viên hợp đồng gồm: Nhân viên văn phòng; Nhân viên vụ việc: Bảo vệ; Giám thị; Vệ sinh; Giáo viên: Hợp đồng giảng dạy môn Tin học Cụ thể:

- Về đội ngũ giáo viên: Đội ngũ giáo viên giảng dạy của trường bao gồm 19 cán bộ giáo viên. Trong đó 02 cán bộ quản lý, 3 nhân viên hành chính, 14 giáo viên văn hoá trình độ đạt trên chuẩn: $14/14=100\%$. Tỷ lệ giáo viên đủ, xong không đồng đều các môn, soạn nhiều giáo án, thiếu giáo viên môn Thể dục có vì vậy phải phân giáo viên trái ban dạy, lớp ít, giáo viên nhạc kiêm chuyên trách TTHTCD, Giáo viên môn Sinh dạy kiêm môn Thể dục, giáo viên phải kiêm nhiệm: Thiết bị đồ dùng, Đoàn đội.

Giáo viên hợp đồng 1 giáo viên, nhân viên văn phòng, vụ việc 5 người.

- Về chất lượng CBQL: Khá và tốt 100%, hành chính khá 100%, GV xếp loại tốt: 70%, Xếp loại khá 30%.

- Việc bồi dưỡng giáo viên: Trường thường xuyên cho CBQL, giáo viên, nhân viên học Bồi dưỡng thường xuyên. Tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bố trí giáo viên dự các lớp chuyên đề do Phòng GD&ĐT mở, tạo điều kiện cho giáo viên học tập sử dụng thiết bị dạy học.

2.1.2.2. Cơ cấu học sinh của Trường

Trường THCS Khúc Xuyên hiện nay có 299 học sinh, trong đó gồm 138 nữ sinh. Cơ cấu học sinh theo lớp được mô tả theo bảng 2.2. **Bảng 2.2:**

Cơ cấu học sinh theo lớp của Trường THCS Khúc Xuyên

Lớp	Số lớp	Sĩ số	So KH	Tỷ lệ huy động so với độ tuổi	HS nghỉ học trong năm	Ghi chú
6	2	60		100%	0	
7	2	58		100%	0	
8	1	48		100%	0	
9	2	63		100%	0	
Cộng	7	229		100%	0	

(Nguồn: Trường THCS Khúc Xuyên, 2018)

Tỷ lệ Học sinh huy động các lớp đầu cấp so với độ tuổi đạt 100%. So với Học sinh tốt nghiệp lớp cuối cấp đạt 100%.

2.1.2.3. Khái quát về cơ sở vật chất của Nhà trường

Diện tích đất của đơn vị: 5100m², tính bình quân 26m²/hs đủ so với quy định.

Về việc xây dựng kiên cố hoá lớp học được thống kê tại bảng sau:

Bảng 2.3: Thống kê phòng học và phòng chức năng của Nhà trường

Phòng	Tổng số	Kiên cố	Cấp 4	Số phòng xây mới trong năm
Phòng học thông thường	7	7		0
Phòng học bộ môn	5	5		0
Phòng thư viện	1	1		0
Phòng đồ dùng thiết bị	1	1		0
Phòng truyền thống	1	1		0

(Nguồn: Trường THCS Khúc Xuyên, 2018)

* Về việc xây dựng trường Chuẩn: Trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2 tháng 10/2015, trường tiếp tục tu sửa bổ sung cơ sở vật chất theo quy định chuẩn mới của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên hiện nay trường còn thiếu phòng các tổ chuyên môn và đoàn thể, chưa xây dựng được nhà đa năng

* Về xây dựng thư viện chuẩn: Thư viện chưa đạt chuẩn Quốc gia. Song kinh phí ít, trường nhỏ nên diện tích phòng còn thấp và số đầu sách không nhiều.

* Xây dựng phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm thực hành: Trường chỉ có phòng học bộ môn ghép thực hành, phòng bộ môn công nghệ ghép với phòng Vật lý. Ban giám hiệu thường xuyên cho giáo viên sử dụng phòng học bộ môn theo quy định, có sổ theo dõi việc sử dụng.

* Công tác bảo quản sử dụng thiết bị: Trường chỉ đạo giáo viên bảo quản nghiêm túc và sử dụng thường xuyên đồ dùng thiết bị, được xếp ngăn nắp từng bộ môn, từng lớp. Hiệu quả sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học, thường xuyên, có hiệu quả. Tuy vậy số đồ dùng và thiết bị còn thiếu nên khi thí nghiệm còn gặp khó khăn.

Đánh giá:

- Ngân sách kinh phí chi cho giáo dục còn thấp, ngân sách nhà nước cấp cho chủ yếu để chi trả lương. Kinh phí cấp cho chi khác, mua sắm rất hạn hẹp.

- Kinh phí phường hỗ trợ giáo dục rất ít, tiền học phí chi cho xây dựng Cơ sở vật chất không nhiều. Do kinh phí ít nên rất khó cho việc tu sửa mua sắm cơ sở vật chất.

- Nhà trường quản lý sử dụng kinh phí của Nhà nước, các khoản thu cho sự nghiệp: Nghiêm túc đúng quy định của Bộ tài chính và văn bản hướng dẫn của địa phương. Các khoản thu ngoài ngân sách thực hiện theo đúng quy định phòng đã duyệt, không có hiện tượng lạm thu, thất thoát. Trường thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ.

quát về CSVC, TBDH của Nhà trường được thể hiện qua bảng sau: **Bảng 2.4: Tổng hợp tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường THCS Khúc Xuyên năm 2018**

S T T	Loại TS		Nguyên	Số KH lũy kế		Giá trị còn lại	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc Cấp III	4	6.1.		20,9	5.200.363.756	79,1
2	Nhà cửa, vật kiến trúc Cấp IV	1	70.000.000	70.000.000	100,0		0,0
3	Các vật kiến trúc khác	1	290.000.000	290.000.000	100,0		0,0
4	Máy vi tính để bàn	52	563.923.000	285.561.300	50,6	278.361.700	49,4
5	Máy vi tính xách tay hoặc thiết bị điện tử tương đương	12	131.150.000	62.140.000	47,4	69.010.000	52,6
6	Máy điều hòa không khí	2	32.630.000	4.078.750	12,5	28.551.250	87,5
7	Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	1	90.548.500	40.746.826	45,0	49.801.674	55,0
8	Máy chiếu	6	160.415.400	80.321.360	50,1	80.094.040	49,9
9	Ti vi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	14	361.980.000	105.390.000	29,1	256.590.000	70,9
10	Thiết bị âm thanh	2	194.807.000	55.731.400	28,6	139.075.600	71,4
11	Thiết bị điện văn phòng	1	14.075.510	8.445.306	60,0	5.630.204	40,0
12	Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	1	19.816.500	7.926.600	40,0	11.889.900	60,0

13	Máy móc, thiết bị khác	4	3.334.632.750	416.829.094	12,5	2.917.803.656	87,5
14	Quyền sử dụng đất	5,006	671.401.901	0	0,0	671.401.901	100,0
15	Phần mềm ứng dụng	1	10.500.000	0	0,0	10.500.000	100,0
	Tổng		12.521.825.561	2.802.751.880	22,4	9.719.073.681	77,6

(Nguồn: Trường THCS Khúc Xuyên, 2018)

49

Qua bảng 2.4 cho thấy CSVC, TBDH của Nhà trường về cơ bản đủ về số lượng và chủng loại. Nhà trường được trang bị cơ bản đủ thiết bị dạy học tối thiểu, máy tính phục vụ công tác quản lý của nhà trường; máy chiếu phục vụ cho dạy học; đã có bảng tương tác thông minh; có đủ bàn ghế giáo viên và học sinh; có đủ các thiết bị khác âm thanh, ánh sáng, mạng internet, website, các phần mềm quản lý nhà trường.... phục vụ cho việc quản lý và giảng dạy.

Tổng giá trị cơ sở vật chất thiết bị dạy học của Trường là 12.521.825.561 đồng, trong đó giá trị khấu hao lũy kế đến năm 2018 là 2.802.751.880 đ, tương ứng với tỷ lệ 22,4%. Giá trị còn lại đến năm 2018 là 9.719.073.681 đồng, tương ứng với tỷ lệ 77,6%. Như vậy đánh giá chung CSVC, TBDH của Trường vẫn còn khá mới. Đây là điều kiện thuận lợi cho Trường trong việc trang bị CSVC, TBDH đáp ứng tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia.

2.2. Giới thiệu về hoạt động khảo sát

2.2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát thực trạng quản trị CSVC, TBDH tại Trường THCS Khúc Xuyên để có đánh giá đúng đắn về vấn đề nghiên cứu.

2.2.2. Nội dung khảo sát

- Thực trạng CSVC, TBDH tại Trường THCS Khúc Xuyên. - Thực trạng nội dung quản trị CSVC, TBDH tại Trường THCS Khúc Xuyên.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác CSVC, TBDH tại Trường THCS

Khúc Xuyên.

- Khảo sát tính cần thiết và tính khả thi các biện pháp CSVC, TBDH tại Trường THCS Khúc Xuyên

2.2.3. Phương pháp khảo sát

** Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi*

Để đánh giá thực trạng CSVC, TBDH tại Trường THCS Khúc Xuyên, Tác giả thiết kế bảng câu hỏi để tiến hành điều tra khảo sát ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên Nhà trường.

50

Bảng câu hỏi điều tra cán bộ, giáo viên, nhân viên Nhà trường tập trung vào thực trạng thiết bị TN, CSVC, TBDH TH; thực trạng nội dung quản trị CSVC, TBDH và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản trị CSVC, TBDH.

2.2.4. Đối tượng khảo sát

Nhóm 1: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Cán bộ quản lý, giáo viên của Nhà trường, giáo viên hợp đồng: 20 người
- Nhân viên vụ việc văn phòng, bảo vệ, vệ sinh : 5 người.

Tổng cộng

Nhóm 2: Học sinh

Mỗi khối lớp chọn ngẫu nhiên 10 học sinh. Tổng cộng 40 học sinh.

2.2.5. Thời gian khảo sát

Thời gian khảo sát được thực hiện từ tháng 3/2019 đến tháng 6/2019.

2.3. Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trường THCS Khúc Xuyên theo tiếp cận năng lực của học sinh

2.3.1. Phân loại cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Việc phân loại CSVC, TBDH được thực hiện thống nhất theo cách phân loại của Phòng kế toán, giúp thuận lợi cho việc mua sắm, xây dựng, bàn giao, theo dõi, sử dụng và bảo quản.

Cụ thể CSVC, TBDH của Nhà trường được phân loại như sau:

Bảng 2.5: Phân loại tài sản tại trường THCS Khúc Xuyên năm 2018

ST T	Loại tài sản	SL	Giá trị (đồng)	Tỷ trợ
---------	--------------	----	----------------	-----------

				ng (%)
1	Loại: Cấp III	4	6.575.945.000	52,5
2	Loại: Cấp IV	1	70.000.000	0,6
3	Loại: Các vật kiến trúc khác	1	290.000.000	2,3
4	Loại: Máy vi tính để bàn	52	563.923.000	4,5
5	Loại: Máy vi tính xách tay hoặc thiết bị điện tử tương đương	12	131.150.000	1,0

51

ST T	Loại tài sản	SL	Giá trị (đồng)	Tỷ trọ ng (%)
6	Loại: Máy điều hòa không khí	2	32.630.000	0,3
7	Loại: Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến khác	1	90.548.500	0,7
8	Loại: Máy chiếu	6	160.415.400	1,3
9	Loại: Tivi, đầu Video, các loại đầu thu phát tín hiệu kỹ thuật số khác	14	361.980.000	2,9
10	Loại: Thiết bị âm thanh	2	194.807.000	1,6
11	Loại: Thiết bị điện văn phòng	1	14.075.510	0,1
12	Loại: Thiết bị điện tử phục vụ quản lý, lưu trữ dữ liệu	1	19.816.500	0,2
13	Loại: Máy móc, thiết bị khác	4	3.334.632.750	26,6
14	Loại: Quyền sử dụng đất	5.00 6	671.401.901	5,4
15	Loại: Phần mềm ứng dụng	1	10.500.000	0,1
	Tổng cộng:		12.521.821.160	

(Nguồn: Phòng Kế toán - Tài chính trường THCS Khúc Xuyên, 2018)

Phân loại CSVC, TBDH tại trường THCS Khúc Xuyên được thực hiện căn cứ vào đặc điểm, công năng sử dụng của CSVC, TBDH để phân loại. Tác giả đánh giá cách phân loại này là phù hợp với thực trạng CSVC, TBDH của Nhà trường, thuận tiện cho công tác sử dụng, bảo quản CSVC – TBDH.

Theo cách phân loại này CSVC, TBDH của Nhà trường được phân thành 15 nhóm. Nhóm có giá trị lớn nhất là Nhóm Nhà cấp 3 tổng giá trị 6.575.945.000 đ, chiếm tới 52,5% tổng giá trị CSVC, TBDH của Nhà trường, trong đó nhà đa năng trị giá 2.679.883.000 đồng hoàn thành năm 2017. Nhóm chiếm tỷ trọng thứ 2 là nhóm máy móc, thiết bị khác chiếm 26,5%. Tất cả các tài sản thuộc nhóm này là thiết bị phòng Hóa, Sinh, thư viện và đều được đầu tư mua sắm trong năm 2018.

một trường chuẩn quốc gia. Đồng thời hướng tới đáp ứng nhu cầu dạy học theo hướng tiếp cận học sinh, đẩy mạnh thực hành, thực tập và tính tự học của học sinh.

2.3.2. *Mức độ trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*

Để đánh giá mức độ trang bị CSVC, TBDH của Nhà trường trong việc đáp ứng yêu cầu quản trị, Tác giả tiến hành điều tra khảo sát 2 nhóm đối tượng có liên quan đến công tác quản trị CSVC, TBDH của Nhà trường gồm:

Nhóm 1: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Cán bộ quản lý, giáo viên của Nhà trường, giáo viên hợp đồng: 20 người
- Nhân viên vụ việc văn phòng, bảo vệ, vệ sinh : 5 người.

Nhóm 2: Học sinh

Mỗi khối lớp chọn ngẫu nhiên 20 học sinh. Tổng cộng 80 học sinh. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.6: Tổng hợp đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Nhà trường về mức độ trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên

STT	Nội dung	Đánh giá			
		<i>Đồng ý</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Không đồng ý</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1	Trang bị CSVC, TBDH đầy đủ	15	60,0	10	40,0
2	Trang bị CSVC, TBDH đồng bộ	16	64,0	9	36,0

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2019)

Theo kết quả khảo sát CSVC, TBDH được cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Nhà trường đánh giá được trang bị đầy đủ và đồng bộ ở mức khá. Có tới trên 60% số người được hỏi đồng ý với nhận định đưa ra.

Bảng 2.7: Tổng hợp đánh giá của học sinh Nhà trường về mức độ trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên

STT	Nội dung	Đánh giá			
		Đồng ý	Tỷ lệ (%)	Không đồng ý	Tỷ lệ (%)
1	Trang bị CSVC, TBDH đầy đủ	50	62,5	30	37,5
2	Trang bị CSVC, TBDH đồng bộ	56	70,0	24	30,0

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2019)

Học sinh cũng có đánh giá khá tốt về mức độ đầy đủ và đồng bộ về Trang bị CSVC, TBDH của Nhà trường 60-70 % học sinh được hỏi đồng ý với nhận định đưa ra.

Để đánh giá tính đầy đủ và đồng bộ của CSVC, TBDH, tác giả phỏng vấn đối với Ông Chu Văn Quý – Hiệu trưởng Trường THCS Khúc Xuyên. Ông Quý biết: “Từ năm 2016, Trường THCS Khúc Xuyên đã xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh, đáp ứng tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường chuẩn quốc gia. Được sự quan tâm của UBND Thành phố Bắc Ninh, của Phòng Giáo dục thành phố và các cấp chính quyền, Trường đã từng bước đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của Nhà trường. Đến cuối năm 2018, Nhà trường đã đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đầy đủ và đồng bộ đáp ứng yêu cầu cơ bản trong thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường”. Như vậy về cơ bản việc trang bị CSVC, TBDH đầy đủ và đồng bộ ở mức khá, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế. Có tới gần 40% số ý kiến được hỏi đánh giá chưa cao. Điều này phản ánh đúng thực trạng về xây dựng mua sắm CSVC, TBDH của Nhà trường trong thời gian vừa qua đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Nhà trường mới chỉ đầu tư thiết bị dạy học chủ yếu là thiết bị thí nghiệm, thực hành mạnh cho những môn học như Lý, Hóa, Sinh, Địa. Chưa chú trọng đến nhiều môn học khác như Thể dục, tiếng anh, Lịch sử,... Một số thiết bị có thể dùng chung giữa các bộ môn vẫn

được tận dụng để tiết kiệm chi phí chưa thực sự phân tách rõ tất cả các thiết bị mua về cho từng bộ môn.

2.3.3. Chất lượng và sự đáp ứng của cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng dạy học theo tiếp cận năng lực của học sinh

Đánh giá về chất lượng CSVC, TBDH được đầu tư, mua sắm của Nhà trường trong việc đáp ứng yêu cầu quản trị, Tác giả tiến hành điều tra khảo sát 2 nhóm đối tượng có liên quan đến công tác quản trị CSVC, TBDH của Nhà trường gồm:

Nhóm 1: cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Cán bộ quản lý, giáo viên của Nhà trường, giáo viên hợp đồng: 20 người - Nhân viên vụ việc văn phòng, bảo vệ, vệ sinh : 5 người.

Nhóm 2: Học sinh

Mỗi khối lớp chọn ngẫu nhiên 20 học sinh. Tổng cộng 80 học sinh. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.8: Tổng hợp đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về chất lượng CSVC, TBDH được đầu tư, mua sắm của Trường THCS Khúc Xuyên

ST T	Nội dung	Đánh giá					
		<i>Ch ưa tốt</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Bình thườn g</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>R ất tố t</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1	Chất lượng của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	0	0.0	3	12.0	22	88,0
2	Tính thẩm mỹ của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	1	4.0	3	12.0	21	84,0
3	Tính hiện đại của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	2	8.0	4	16.0	19	76,0
4	Tính tiện ích sử dụng của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	1	4.0	4	16.0	20	80,0
5	Tính hữu ích trong sử dụng của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	0	0.0	5	20.0	20	80,0

6	Mức độ đáp ứng về chất lượng của CSVC, TBDH	3	12	4	16	18	72
---	---	---	----	---	----	----	----

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2019)

55

Theo điều tra cho thấy phần lớn các đối tượng được điều tra thuộc nhóm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều cho rằng thiết bị dạy học đảm bảo về tính thẩm mỹ, tính tiện ích và hữu ích khi sử dụng đạt trên 80% ý kiến. 88% số người được hỏi đánh giá thiết bị dạy học được đầu tư chất lượng rất tốt. Số người đánh giá về tính hiện đại của thiết bị dạy học được đầu tư thấp hơn chỉ đạt 76% số người đánh giá rất tốt, 16% đánh giá bình thường, 8% số người đánh giá chưa tốt. Nguyên nhân là do việc mua sắm thiết bị dạy học của Nhà trường phụ thuộc và kinh phí được cấp. Những thiết bị hiện đại nhất, tiên tiến nhất sẽ có giá cả rất cao. Do đó nhà trường cân nhắc đảm bảo mua sắm thiết bị dạy học phù hợp với kinh phí được cấp và đáp ứng nhu cầu dạy học hiện nay theo hướng đáp ứng năng lực người học.

Mức độ đáp ứng về chất lượng của CSVC, TBDH đáp ứng hướng tiếp cận năng lực của học sinh có tới 72% số người được hỏi đánh giá rất tốt, 16% đánh giá bình thường. Chỉ có một số ít người được hỏi đánh giá chưa đáp ứng.

Bảng 2.9: Tổng hợp đánh giá của học sinh về chất lượng CSVC, TBDH được đầu tư, mua sắm của Trường THCS Khúc Xuyên

ST T	Nội dung	Đánh giá					
		Ch ưa tốt	Tỷ lệ (%)	Bình thườn g	Tỷ lệ (%)	Rất tốt	Tỷ lệ (%)
1	Chất lượng của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	4	5,0	10	12,5	66	82,5
2	Tính thẩm mỹ của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	8	10,0	16	20,0	56	70,0

3	Tính hiện đại của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	6	7,5	14	17,5	60	75,0
4	Tính tiện ích sử dụng của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	4	5,0	12	15,0	64	80,0
5	Tính hữu ích trong sử dụng của thiết bị dạy học được đầu tư mua sắm	0	0,0	16	20,0	64	80,0
6	Mức độ đáp ứng về chất lượng của CSVC, TBDH	0	0,0	30	37,5	50	62,5

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra, 2019)

56

Học sinh đánh giá cao về chất lượng, tính tiện ích, tính hữu ích của CSVC, TBDH của Nhà trường trên 80% số ý kiến được hỏi đồng ý với nhận định đưa ra, đánh giá thấp hơn đối với tính thẩm mỹ và tính hiện đại của CSVC, TBDH trên 70% số ý kiến được hỏi đồng ý với nhận định đưa ra, đánh giá chưa cao về mức độ đáp ứng của CSVC, TBDH 62,5% số ý kiến được hỏi đồng ý với nhận định đưa ra. Như vậy học sinh đánh giá ở mức độ khá đối với chất lượng của thiết bị dạy học được đầu tư, mua sắm của Trường THCS Khúc Xuyên.

2.3.4. Sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy

học * Đối với công tác sử dụng CSVC – TBDH:

- Đầu năm học:

+ Kết hợp với các tổ chuyên môn giới thiệu danh mục TBDH. Nghiên cứu tài liệu hướng dẫn sử dụng của từng môn. Tiến hành lắp ráp và trao đổi kỹ năng sử dụng thiết bị, đặc biệt các loại thiết bị hiện đại mở lớp tập huấn cho giáo viên cách sử dụng và học tập nội quy phòng thí nghiệm.

+ Tổ chức nghiên cứu phân phối chương trình làm cơ sở để lập kế hoạch sử dụng của tổ và cá nhân.

+ Đôn đốc việc lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa, làm thêm để bổ sung vào TBDH.

- Trong năm học

Khi giáo viên sử dụng thiết bị dạy học được thực hiện theo phiếu

sau: **Biểu 2.1: Phiếu báo sử dụng thiết bị dạy học**

Phiếu báo sử dụng thiết bị dạy học

Họ và tên giáo viên:

Môn dạy: Địa lý

Tiết theo phân bố chương trình: 11- ĐL 10 CB

Tiết theo thời khóa biểu: 2; 3 Lớp dạy: 9A, 9B

Ngày mượn: 05/10/2018

57

Ngày trả: 10/10/2018

STT	Tên thiết bị sử dụng	Số lượng	Ngày sử dụng	Ghi chú
1	Bản đồ tự nhiên thế giới	01	07/10/18	
2	Bản đồ các mảng kiến tạo, các vành đai động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ.	01	07/10/18	

Ghi chú: Cán bộ theo dõi giữ lại phiếu này để chuẩn bị theo nội dung, yêu cầu, của giáo viên. Sau đó ghi vào sổ theo dõi sử dụng

Ngày..... tháng..... năm 2018

Cán bộ phụ trách quản lý Giáo viên mượn Ký ghi rõ họ

tên Ký ghi rõ họ tên

(Nguồn: Trường THCS Khúc Xuyên, 2018)

Căn cứ vào số lượng giáo viên của từng bộ môn, mỗi khối lớp để nhân bản phiếu báo sử dụng thiết bị dạy học và lập sổ mượn thiết bị cho từng tổ chuyên môn mỗi tổ chuyên môn một sổ thiết bị - mỗi giáo viên có năm trang) theo thứ tự từng tiết học. Sổ mượn thiết bị dạy học trên rất thuận tiện cho việc mượn thiết bị của giáo viên cũng như việc theo dõi kiểm tra của nhà trường. Sổ mượn thiết bị do cán bộ phòng thí nghiệm vào sổ và chuẩn bị thiết bị dạy học cho giáo viên. Khi cho mượn thiết bị ghi đầy đủ các cột mục. Sổ mượn thiết bị dạy học theo mẫu sau:

Biểu 2.2: Sổ mượn thiết bị dạy học

Sổ mượn thiết bị dạy học

ST T	Ngày mượn	Lớp dạy	Tên thiết bị	Số lượng	Ngày trả	Thực trạng khi trả	Ký nhận
1	7/9/18	9A 9B	Bản đồ	03	10/09/18	nguyên vẹn	
	...						

(Nguồn: Trường THCS Khúc Xuyên, 2018)

58

Căn cứ vào sổ mượn thiết bị cuối k tổng hợp và báo cáo.

+ Thường xuyên báo cáo tình hình sử dụng thiết bị dạy học của giáo viên. Những vướng mắc cần tháo gỡ để cán bộ quản lý có biện pháp tháo gỡ. Các biện pháp quản lý và sử dụng thiết bị dạy học ở Nhà trường nhằm khai thác hiệu quả số trang thiết bị mà nhà trường được đầu tư, trang cấp. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi để nhà trường thực hiện chương trình phân ban. Tuy nhiên cần phải có những biện pháp hữu hiệu hơn nữa để khai thác triệt để nguồn TBDH hiện có.

Thư viện được xem như là trung tâm thông tin của trường chứ không chỉ thuần túy là chỗ mượn và đọc sách. Do vậy ngoài các không gian dành cho kho sách, báo chí, không gian cho người đọc được cung cấp một số máy vi tính kết nối INTERNET và máy in tu điều kiện của từng trường là nguồn tra cứu thông tin, dữ liệu có hiệu quả cao.

Cơ cấu và diện tích các phòng của Thư viện được Nhà trường xác định theo quy mô học sinh, biên chế giáo viên bao gồm:

- Kho sách: $2,2\text{m}^2/1.000$ đơn vị sách. Số lượng sách ≥ 25 đơn vị sách/1 HS

- Phòng đọc của học sinh: $1,5 - 1,8\text{m}^2/\text{chỗ}$. Số chỗ tính bằng 2 - 3% số học sinh toàn trường.

- Phòng đọc của cán bộ giáo viên: $2 - 2,4\text{m}^2/\text{chỗ}$. Số chỗ tính bằng 20%

số cán bộ giáo viên.

- Quầy cho cán bộ thủ thư.

* Đối với công tác bảo quản CSVC – TBDH

Công tác bảo quản CSVC, TBDH được thực hiện theo cơ chế bảo quản CSVC, TBDH của Nhà trường.

Đối với cơ sở vật chất: Nhà trường giao cho bộ phận phụ trách vệ sinh quét dọn, làm sạch hành lang lớp học, cầu thang, sân trường, vườn trường,... định k 2-3 ngày 1 lần. Đối với các lớp học giao giáo viên chủ nhiệm từng

59

lớp phổ biến công tác trực vệ sinh hàng ngày, không vẽ bẩn lên tường, có ý thức giữ gìn vệ sinh chung.

Đối với thiết bị dạy học: việc đầu mỗi năm học, bộ phận quản lý kết hợp với các tổ chuyên môn giới thiệu danh mục TBDH, Nghiên cứu tài liệu hướng dẫn sử dụng của từng môn, Tiến hành lắp ráp và trao đổi kỹ năng sử dụng thiết bị, đặc biệt các loại thiết bị hiện đại mở lớp tập huấn cho giáo viên cách sử dụng và học tập nội quy phòng thí nghiệm đã giúp bộ phận giáo viên trong Nhà trường thành thạo cách sử dụng các thiết bị dạy học, nắm được yêu cầu bảo quản đối với từng loại thiết bị dạy học. Từ đó nâng cao hiệu quả công tác bảo quản thiết bị dạy học trong trường. Ngoài ra, căn cứ vào các kết quả kiểm tra đột xuất, kiểm tra định k CSVC, TBDH của Nhà trường kiểm tra việc thực hiện bảo quản, sử dụng TBDH có đúng với kế hoạch với phân phối chương trình và có đúng với nguyên tắc quản lý, sử dụng để kịp thời đưa ra biện pháp khắc phục. Đồng thời, căn cứ kết quả thống kê số lượng các thiết bị được sử dụng trong năm, đánh giá ưu, nhược điểm, những điểm khó khi triển khai sử dụng TBDH, từ đó rút ra phương án sử dụng hiệu quả nhất, phổ biến kinh nghiệm bổ sung cho kinh nghiệm giảng dạy cho giáo viên; Thống kê các thí nghiệm, hay thiết bị không sử dụng được phân tích nguyên nhân: do kỹ năng sử dụng của giáo viên, hay do chất lượng của thiết bị, hay do thiếu thiết bị... Đề ra giải pháp khắc phục cho năm sau.

Nhìn chung công tác sử dụng và bảo quản CSVC, TBDH của Nhà

trường được thực hiện ở mức độ khá. Nhà trường đã có sự đánh giá định kỳ đối với chất lượng CSVC, TBDH để khắc phục tồn tại. Tuy nhiên hoạt động này chưa thực sự thường xuyên. Công tác kiểm kê, báo cáo mới đặt trọng tâm vào việc kiểm tra số lượng, chưa thực sự quan tâm đánh giá về chất lượng để kịp thời khắc phục, bổ sung.

60

2.4. Thực trạng quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học ở trường THCS Khúc Xuyên theo hướng tiếp cận năng lực của học sinh

2.4.1. Lập kế hoạch quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học Căn cứ vào đặc điểm tình hình hoạt động, căn cứ các nhiệm vụ trọng tâm của năm học, căn cứ vào các quy định về CSVC, TBDH của một trường theo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia, tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện tại của Trường, Trường THCS Khúc Xuyên xây dựng kế hoạch mua sắm, trang bị, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất của trường cho từng năm học.

Nhà trường thành lập Ban Cơ sở vật chất gồm:

- + Đ/c Chu Văn Quý - HT: Trưởng ban
- + Đ/c Nguyễn Thị Khánh Vân - PHT: Phó ban
- + Đ/c Vương Văn Thái - Trưởng ban TTND: Ủy viên
- + Đ/c Nguyễn Mạnh Tuấn - Giáo viên: Ủy viên
- + Đ/c Hoàng Thị Anh - Kế toán: Ủy viên

Ban cơ sở vật chất phối hợp với ban giám hiệu để thực hiện. Những thuận lợi trong công tác xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường cho từng năm học: - Được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Phòng Giáo dục Đào tạo TP Bắc Ninh trong việc xây dựng cơ sở vật chất nhà trường theo hướng kiên cố hóa và chuẩn hóa trường lớp;

- Sự hỗ trợ nhiệt tình của chính quyền địa phương trong việc tăng cường CSVC, mua sắm trang thiết bị dạy học;

- Sự quan tâm của xã hội trong công tác giáo dục thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội cha mẹ học sinh và nhà trường;

- CSVC nhà trường tương đối đầy đủ nhằm phục vụ cho công tác giảng dạy cũng như bảo quản tài sản chung của nhà trường, tài sản của giáo viên, học sinh như: trường có tường rào, cổng trường kiên cố, có đủ bàn ghế, bảng

61

viết, có đủ đèn và hệ thống điện phục vụ tốt cho công tác giảng dạy; có nhà để xe cho giáo viên và học sinh;

- Ý thức của giáo viên, nhân viên và học sinh của trường trong việc bảo quản tài sản, CSVC trang thiết bị có nhiều chuyển biến tích cực. Những khó khăn trong công tác lập kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường cho từng năm học: Thiếu một số cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo tiêu chuẩn của một trường chuẩn quốc gia; nguồn xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học của Nhà trường chủ yếu từ nguồn Ngân sách nhà nước cấp còn hạn chế...

Các văn bản pháp lý làm cơ sở để Trường THCS Khúc Xuyên lập kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường:

- Căn cứ Công văn số 7842/BGDĐT-CSVCTBTH ngày 28/10/2013 về việc đầu tư mua sắm thiết bị dạy học, học liệu các cơ sở giáo dục đào tạo; - Căn cứ Thông tư số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 về Hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông;

- Căn cứ công văn số 3718/BGDĐT- GDTrH ngày 15/8/2017 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2017 - 2018;

- Căn cứ công văn số 1170/SGDĐT- GDTrH, ngày 14/9/2017 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2017 - 2018;

* Nhiệm vụ của Trường THCS Khúc Xuyên theo hướng tiếp cận năng lực học sinh trong giai đoạn 2016-2018

Nhiệm vụ về chung:

62

- Tiếp tục triển khai Chương trình hành động của Bộ GD&ĐT thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Trường THCS Khúc Xuyên chú trọng phát triển xây dựng môi trường văn hoá trường học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và dạy học; thực hiện dạy môn tiếng Anh theo hệ 10 năm, nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh; đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt” theo phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục;

- Kiểm tra tu bổ, sửa chữa và mua sắm các thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

- Góp phần thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của trường;

- Tăng cường sự quản lý nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả tài sản hiện có cũng như bảo quản, sửa chữa tài sản kịp thời phục vụ công tác giảng dạy, tránh thất thoát, lãng phí tài sản của nhà trường.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng cảnh quan môi trường Xanh, sạch, đẹp và an toàn; - Đầu tư tốt công nghệ thông tin như máy chiếu Projector, máy tính xách tay, mạng internet, mạng wifi, hệ thống điện thoại nội bộ phục vụ công tác giảng dạy, quản lý

- Đầu tư phòng học bộ môn ngoại ngữ phục vụ cho tiếng Anh, các bộ môn năng khiếu cũng là phòng học tập chuyên đề, bồi dưỡng của giáo viên; - Sắp xếp, quy hoạch khuôn viên trường lớp, trồng thêm cây bóng mát, quy hoạch lại vườn cây ăn quả, theo tiêu chí trường chuẩn;

- Ban giám hiệu có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc cán bộ phụ trách thiết bị quản lý, sử dụng thiết bị dạy học, giới thiệu kịp thời đến các khối lớp những thiết bị mới được cấp bổ sung;

* Kết quả công tác lập kế hoạch xây dựng, mua sắm CSVC, TBDH như sau:

Bảng 2.10: Tổng hợp kết quả lập kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường giai đoạn 2016-2018

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Nội dung	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1. Xây dựng CSVC	1,300,000	90,9	1,200,000	59,4	-	-
Nhà đa năng	1,300,000		1,200,000		-	
2. Mua sắm TBDH	10,000	0,7	720,000	35,6	3.530.000	97,2
Máy tính để bàn cho phòng kế toán	10,000		-		-	
Máy tính để bàn cho phòng máy	-		300,000		-	
Máy tính xách tay cho lãnh đạo, CBCNV	-		100,000		-	
Máy chiếu phòng tin	-		40,000		-	
Ti vi trang bị các phòng học	-		150,000		-	
Loa đài	-		100,000		-	
Camera (nhà đa năng)	-		20,000		-	
Phần mềm kế toán	-		10,000		-	
Điều hòa	-		-		30.000	
Máy chiếu	-		-		50.000	
Ti vi trang bị các phòng học	-		-		200.000	

Bộ âm thanh ngoài trời	-		-		100.000	
Thiết bị phòng Hóa	-		-		400.000	
Thiết bị phòng sinh	-		-		450.000	
Thiết bị phòng vật lý	-		-		300.000	
Thiết bị phòng thư viện	0		-		2.000.000	
3. Duy tu bảo dưỡng	120,000	8,4	100000	5,0	100.000	2,8
Tổng	1,430,000	100,0	2,020,000	100,0	3.630.000	100,0

(Nguồn: Phòng Kế toán - Tài chính Trường THCS Khúc Xuyên 2016-2018)

64

Qua kết quả lập kế hoạch xây dựng, mua sắm CSVC, TBDH cho thấy để đảm bảo tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia năm 2018, đảm bảo công tác dạy và học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh, Trường THCS Khúc Xuyên đã lên kế hoạch xây mới cơ sở vật chất gồm xây dựng Nhà đa năng, bắt đầu xây dựng vào các năm 2016, hoàn thành vào năm 2017, kế hoạch mua sắm các trang thiết bị cho Phòng kế toán, các phòng học, các phòng Hóa, Lý, Sinh, Thư viện. Tổng giá trị theo kế hoạch về xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường năm học 2016 là 1 tỷ 430 triệu đồng, năm 2017 là 2 tỷ 020 triệu đồng, tăng 590 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 41,3%, năm 2018 là 3 tỷ 630 triệu đồng, tăng 1 tỷ 610 triệu đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 79,7%.

Trong đó năm 2016, Nhà trường lên kế hoạch chủ yếu thuộc về xây dựng Nhà đa năng là 1 tỷ 300 triệu đồng, chiếm tới 90,9% tổng kế hoạch, kế hoạch về mua sắm thiết bị dạy học là 10 triệu đồng, chỉ chiếm 0,7%, kế hoạch về duy tu bảo dưỡng là 120 triệu đồng chiếm 8,4%.

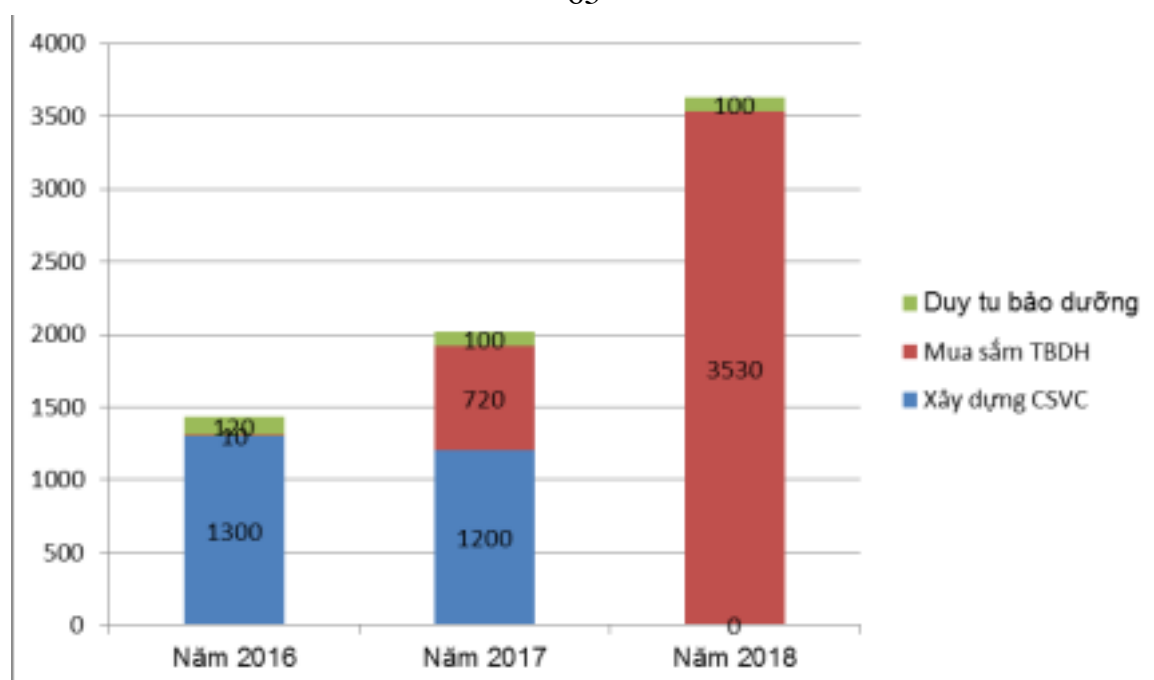
Năm 2017, Nhà trường lên kế hoạch về xây dựng mua sắm cơ sở vật

chất là 1 tỷ 200 triệu đồng, chiếm tới 59,4% tổng kế hoạch, kế hoạch về mua sắm thiết bị dạy học là 720 triệu đồng, chiếm 35,6%, kế hoạch về duy tu bảo dưỡng là 100 triệu đồng chiếm 5%.

Năm 2018, Nhà trường lên kế hoạch chủ yếu mua sắm thiết bị dạy học là 3 tỷ 530 triệu đồng, chiếm 97,2%, kế hoạch về duy tu bảo dưỡng là 100 triệu đồng chiếm 2,8%.

Công tác lập kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường giai đoạn 2016-2018 được thể hiện cụ thể theo biểu đồ sau:

65



Biểu đồ 2.1: Tổng hợp kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường Khúc Xuyên giai đoạn 2016-2018

(Nguồn: Phòng Kế toán - Tài chính Trường THCS Khúc Xuyên 2016-2018)

* Kết quả công tác lập kế hoạch sử dụng và bảo quản CSVC – TBDH
 Kết quả công tác lập kế hoạch sử dụng và bảo quản CSVC, TBDH thể hiện ở việc đầu mỗi năm học, Nhà trường rà soát cơ chế sử dụng và cơ chế bảo quản CSVC, TBDH trong Nhà trường, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp. Cơ chế sử

dụng và bảo quản này là căn cứ để xây dựng kế hoạch sử dụng và bảo quản CSV, TBDH trong Nhà trường.

Kế hoạch sử dụng và bảo quản được thể hiện qua bảng sau:

66

Bảng 2.11: Tổng hợp kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học Trường THCS Khúc Xuyên năm giai đoạn 2016 – 2018

STT	Môn học	Mức độ sử dụng theo kế hoạch (lượt)			Mức độ số lượng tài sản hao mòn dự kiến (%)		
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	Sinh	140	170	300	5	5	5
2	Địa	180	200	300	5	5	5
3	Lý	140	160	280	5	5	5
4	Hóa	200	250	350	5	5	5
	Tổng	660	780	1.230	5	5	5

(Nguồn: Trường THCS Khúc Xuyên, 2016 - 2018)

Kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học của Nhà trường tăng qua các năm. Năm 2016, tổng số lượt sử dụng thiết bị dự kiến là 660 lượt, năm 2017, tổng số lượt sử dụng thiết bị dự kiến là 780 lượt, năm 2018 tăng lên ở mức 1.230 lượt. Nguyên nhân chủ yếu là do chương trình đào tạo của Nhà trường có sự điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế giảng dạy theo hướng đáp ứng tiếp cận năng lực của học sinh, tức hướng tới lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính Tự học; Giải quyết vấn đề; Sáng tạo; Tự quản lý; Giao tiếp; Hợp tác; Sử

dụng CNTT; Sử dụng ngôn ngữ; Tính toán, tăng thời lượng thực hành cho học sinh.

Mức độ số lượng tài sản hao mòn dự kiến đối với thiết bị dạy học được Nhà trường để ở mức 5% qua các năm.

2.4.2. Tổ chức thực hiện quản trị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học
2.4.2.1. Tổ chức thực hiện xây dựng cơ sở vật chất - mua sắm thiết bị dạy học
Việc xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường được thực hiện theo đúng quy định Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Sau đây Tác giả minh họa quy trình mua sắm đối với thiết bị dạy học của Nhà trường theo sơ đồ sau:

67

Bước 1: Đơn đề nghị mua sắm

Bước 2: Kiểm tra, thẩm định giá,
lập dự trù kinh phí

Bước 3: Thực hiện mua sắm

Bước 4: Bàn giao sử dụng

Sơ đồ 2.3: Quy trình mua sắm thiết bị dạy học tại Trường THCS Khúc Xuyên

(Nguồn: Trường THCS Khúc Xuyên, 2018)

Với những thiết bị dạy học là tài sản dưới 100 triệu đồng thì việc mua sắm các loại thiết bị, vật tư, công cụ và các cơ sở vật chất khác phục vụ hoạt động chuyên môn của Trường THCS Khúc Xuyên được thực hiện như sau:

Bước 1: Làm Đơn đề nghị cấp vật tư, công cụ dụng cụ, tài sản Bộ phận sử dụng có yêu cầu cần trang cấp tài sản, vật tư/ sửa chữa tài sản làm đơn đề nghị nêu rõ yêu cầu, mô tả thông tin về tài sản trình Ban lãnh đạo Nhà trường

Bước 2: Kiểm tra, thẩm định giá, lập dự trù kinh phí

Ban lãnh đạo Nhà trường kiểm tra tính cần thiết và phương án sử dụng tài sản của bộ phận đề nghị.

Phòng Kế toán tài chính trình từ 1 đến 3 báo giá trường hợp từ 20 triệu đồng trở lên phải có 03 báo giá và lập dự trù kinh phí để Ban lãnh đạo Nhà trường duyệt.

68

Bước 3: Thực hiện mua sắm

Phòng Kế toán tài chính phối hợp với đơn vị cung cấp tài sản lập Hợp đồng mua sắm, trình Ban Lãnh đạo Nhà trường duyệt.

Phòng Kế toán tài chính trình hồ sơ mua sắm để rút dự toán từ Kho bạc nhà nước để chi trả.

Bước 4: Bàn giao sử dụng

Tài sản mua về được nghiệm thu và bàn giao cho bộ phận sử dụng để quản lý, theo dõi và sử dụng

Việc mua sắm tài sản tại Trường THCS Khúc Xuyên bám sát quy định các văn bản pháp luật sau:

Luật ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 6 năm 2003 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính;

Thông tư số 68/2012/TT-BTC, ngày 26 tháng 04 năm 2012, của Bộ Tài chính Quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ;

Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 Hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP;

69

Thông tư 164/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua Kho bạc Nhà nước,

Kết quả xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học tại Trường THCS Khúc Xuyên giai đoạn 2016 - 2018 được thể hiện qua Bảng sau: **Bảng 2.12: Tổng hợp kết quả xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường giai đoạn 2016-2018**

Nội dung	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1. Xây dựng CSVC	1,300,000	90,9	1,469,833	64,7	-	-
Nhà đa năng	1,300,000		1,200,000		-	
2. Mua sắm TBDH	10,000	0,7	701,353	30,9	3,718,245	97,4
Máy tính để bàn cho phòng kế toán	10,272		-		-	
Máy tính để bàn cho phòng máy	-		289,562		-	
Máy tính xách tay cho lãnh đạo, CBCNV	-		94,950		-	
Máy chiếu phòng tin	-		37,705		-	
Ti vi trang bị các phòng học	-		164,970		-	
Loa đài	-		83,850		-	
Camera nhà đa năng	-		19,816		-	

Phần mềm kế toán	-		10,500		-	
Điều hòa	-		-		32,630	
Máy chiếu	-		-		43,015	
Ti vi trang bị các phòng học	-		-		197,010	
Bộ âm thanh ngoài trời	-		-		110,957	
Thiết bị phòng Hóa	-		-		390,019	
Thiết bị phòng sinh	-		-		477,765	
Thiết bị phòng vật lý	-		-		291,313	
Thiết bị phòng thư viện	-		-		2,175,536	
3. Duy tu bảo dưỡng	120,000	8,4	100,000	4,4	100,000	2,6
Tổng	1,430,000	100,0	2,271,186	100,0	3,818,245	100,0

(Nguồn: Phòng Kế toán - Tài chính Trường THCS Khúc Xuyên 2016-2018)

70

Tình hình thực hiện kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học của Trường THCS Khúc Xuyên được thể hiện qua bảng trên. Nhìn bảng tổng hợp trên cho thấy, công tác thực hiện đã bám sát kế hoạch xây dựng xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học được lập của Trường. Năm 2016 việc mua sắm chỉ thực hiện mua 1 máy tính để bàn cho phòng Kế toán, tổng chi cho CSVC, TBDH của trường chủ yếu thuộc về giá trị xây dựng nhà đa năng đã được nghiệm thu một phần theo hạng mục xây dựng đã hoàn thành, trị giá 1.300 triệu đồng, chiếm tới 90,9% tổng chi cho đầu tư CSVC, TBDH. Công việc duy tu bảo dưỡng được thực hiện đều đặn hằng năm với giá trị thực hiện năm 2016 là 120 triệu đồng, năm 2017 và năm 2018 là 100 triệu đồng. Năm 2017, bên cạnh việc tiếp tục triển khai xây dựng nhà

đa năng và trang bị hoàn thiện nhà đa năng thì Nhà trường đã tập trung đầy tư việc mua sắm trang thiết bị gồm trang bị cho phòng máy vi tính của trường bằng một loạt máy tính để bàn hiện đại, trang bị máy tính xách tay cho lãnh đạo, cán bộ, giáo viên trong trường. Tổng trị giá mua sắm là 701.353 nghìn đồng chiếm 30,9% kinh phí cho CSVC, TBDH trong năm. Năm 2018, nhà trường tập trung mua sắm trang bị một loạt thiết bị để hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng mục tiêu đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực học sinh. Nhà trường trang bị rất lớn cho thiết bị các phòng Hóa, Sinh, Vật lý, Thiết bị phòng Thư viện,... bên cạnh việc trang bị bổ sung các thiết bị cho các phòng học như Tivi cho các phòng học, trang bị từng bước điều hòa, máy chiếu,... Tổng giá trị mua sắm thiết bị tới 3.718.245 nghìn đồng, chiếm tới 97,4% tổng kinh phí đầu tư.

Để đánh giá xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường tác giả đưa ra bảng sau:

71

Bảng 2.13. Đánh giá kết quả thực hiện xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tiếp cận năng lực học sinh tại Trường Khúc Xuyên

Nội dung	Năm 2016			Năm 2017		
	<i>Kế hoạch</i>	<i>Thực hiện</i>	<i>% Kế hoạch/Thực hiện</i>	<i>Kế hoạch</i>	<i>Thực hiện</i>	<i>% Kế hoạch/Thực hiện</i>
1. Xây dựng CSVC	1,300,000	1,300,000	100,0	1,200,000	1,469,833	122,5
Nhà đa năng	1,300,000	1,300,000	100,0	1,200,000	1,200,000	100,0

2. Mua sắm TBDH	10,000	10,272	102,7	720,000	701,353	97,4	
Máy tính để bàn cho phòng kế toán	10,000	10,272	102,7	-	-		
Máy tính để bàn cho phòng máy	-	-		300,000	289,562	96,5	
Máy tính xách tay cho lãnh đạo, CBCNV	-	-		100,000	94,950	95,0	
Máy chiếu phòng tin	-	-		40,000	37,705	94,3	
Ti vi trang bị các phòng học	-	-		150,000	164,970	110,0	
Loa đài	-	-		100,000	83,850	83,9	
Camera nhà đa năng	-	-		20,000	19,816	99,1	